

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
LIÊN THÔNG CHÍNH QUY**

**NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
MÃ NGÀNH: 6720301**

Đồng Tháp - Năm 2020

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	15
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN	23
Tên môn học: TIN HỌC.....	31
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC	43
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN.....	50
Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH	55
Tên môn học: HÓA HỌC.....	60
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	65
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.....	73
Tên môn học: SINH LÝ BỆNH	82
Tên môn học: DƯỢC LÝ	95
Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC	105
Tên môn học: PHÁP LUẬT	110
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN.....	115
Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG.....	122
Tên môn học: SỨC KHỎE – TRUYỀN THÔNG GDSK.....	127
Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC	132
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI.....	139
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO.....	145
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO.....	151
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM	157
Tên môn học: CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM.....	166
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN.....	176
Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	183
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG.....	190
Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG.....	193
Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	199
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NỘI (Da liễu - Lao).....	203
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI NÂNG CAO.....	209
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI.....	213

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC NÂNG CAO	232
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	237
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP.....	241

và thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng phức tạp của chuyên khoa theo sự phân công của điều dưỡng phụ trách;

- Tham gia xây dựng, lập kế hoạch và thực hiện quy trình điều dưỡng, công tác quản lý ngành;
- Đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện, ổn định và liên tục;
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng phù hợp với văn hoá;
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của bác sỹ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý;
- Phối hợp và tham gia thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng, đảm bảo an toàn chung;
- Thực hiện được việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp bệnh nặng, tai nạn;
- Có kỹ năng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn;
- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và các nhân viên y tế, liên tục đào tạo cho mình và cho người khác;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có đạo đức tốt, có ý thức cao và có lối sống lành mạnh;
- Trung thành với Tổ quốc, với chế độ Xã hội Chủ nghĩa;
- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân;
- Có sức khỏe để đảm bảo được việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người có bằng tốt nghiệp ngành điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể làm việc ở các bệnh viện và các cơ sở chăm sóc sức khỏe từ trung ương tới cơ sở, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp y tế.
- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân điều dưỡng trình độ cao đẳng nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện có thể học liên thông lên trình độ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 31 môn học (02 môn học tự chọn)
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 46 tín chỉ (1.265 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 290 giờ
- Khối lượng các môn học/học phần chuyên môn: 975 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 524 giờ (41,4%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 741 giờ (58,6%).

3. Nội dung chương trình

3.1. Bảng đối chiếu chương trình đào tạo trung cấp và cao đẳng

CAO ĐẲNG CQ								TRUNG CẤP						CAO ĐẲNG LT					
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT		TTBV	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	0	5	Chính trị	5	90	60	30	0	2	45	26	16	0	3
2	Tiếng Anh 1	6	120	42	72	0	6	Ngoại ngữ	5	90	60	30	0	1	30	12	16	0	2
3	Tiếng Anh 2	2	40	39	0	0	1												
4	Tin học	3	75	15	58	0	2	Tin học	3	60	30	30	0	1	30	0	29	0	1
5	Xác suất thống kê- TKYH	2	50	19	29	0	2							2	50	19	29	0	2
6	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	0	1							1	20	19	0	0	1
7	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	0	1							1	20	19	0	0	1
8	Hóa học	1	20	19	0	0	1							1	20	19	0	0	1
9	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	0	4	GDTC	2	60	15	45	0	1	30	1	27	0	2
10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	0	4	GDQP-AN	3	75	30	45	0	1	30	15	14	0	1
11	Giải phẫu - Sinh lý	3	70	39	29	0	2	GP - SL	4	75	45	30	0						

CAO ĐẲNG CQ								TRUNG CẤP						CAO ĐẲNG LT					
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT		TTBV	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT
12	Hoá sinh	1	20	19	0	0	1							1	15	14	0	0	1
13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	50	19	29	0	2	Vi sinh - KST	2	30	30	0	0						
14	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	0	1							1	20	19	0	0	1
15	Dược lý	2	50	19	29	0	2	Dược lý	2	30	30	0	0	1	20	19	0	0	1
16	Điều dưỡng cơ sở I	3	70	39	29	0	2	ĐDCS 1	5	105	45	60	0	2	50	19	29	0	2
17	Điều dưỡng cơ sở II	4	100	39	59	0	2	ĐDCS 2	5	120	30	90	0						
18	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	0	1	Sức khỏe – Môi trường – Vệ sinh – Nâng cao SK và HVCN	2	45	15	30	0						
19	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	0	2												
20	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	20	19	0	0	1	DD-TC	2	45	15	30	0						
21	Pháp luật	2	30	18	10	0	2	Pháp luật	2	30	30	0	0	1	15	9	5	0	1
22	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39	0	0	1	SK- Truyền thông GDSK						2	50	19	29	0	2
23	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	0	1	NN và Đạo đức người	2	30	30	0	0	1	20	19	0	0	1

CAO ĐẲNG CQ								TRUNG CẤP						CAO ĐẲNG LT					
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT		TTBV	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT
								điều dưỡng											
24	Y học cổ truyền-TH BV YH CT	3	110	19	0	89	2	YHCT	2	45	15	0	30						
25	Giao tiếp và GDSK	2	50	19	29	0	2	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	2	50	19	29	0	2
								Tâm lý – Giáo dục sức khỏe	2	45	15	30	0						
26	Điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn	2	50	19	29	0	2	Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	60	30	30	0						
27	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	110	19	0	88	3	Điều dưỡng nội khoa 1	8	220	60	0	160						
28	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực-THBV	2	65	19	0	44	2	CS NB CC và CS tích cực	2	30	30	0	0	2	65	19	0	44	2
29	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi-THBV	2	65	19	0	44	2							2	65	19	0	44	2
30	Chăm sóc SK người lớn bệnh ngoại khoa	2	65	19	0	44	2	Điều dưỡng ngoại khoa	5	125	45	0	80						
31	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	0	44	2	CSSK trẻ em	6	190	30	0	160	2	65	19	0	44	2

CAO ĐẲNG CQ								TRUNG CẤP						CAO ĐẲNG LT						
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT		TTBV	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	
32	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	65	19	0	44	2	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	6	190	30	0	160							
33	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	65	19	0	44	2							1	20	19	0	0	1	
34	Phục hồi chức năng-THBV	2	65	19	0	44	2	PHCN- PHCN dựa vào cộng đồng						1	20	19	0	0	1	
35	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng-TH CD	2	65	19	0	44	2							1	20	19	0	0	1	
36	Quản lý điều dưỡng	1	20	19	0	0	1							2	50	19	29	0	2	
37	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	0	1							2	50	19	29	0	2	
38	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	3	85	38	0	44	3							2	65	19	0	44	2	
39	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	0	44	2							2	65	19	0	44	2	
40	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	0	44	2							2	65	19	0	44	2	

CAO ĐẲNG CQ								TRUNG CẤP						CAO ĐẲNG LT					
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT		TTBV	TC	TS	LT	TH	TTBV	KT
41	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	65	19	0	44	2												
42	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	1	20	19	0	0	1							1	15	14	0	0	1
43	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt)	1	20	19	0	0	1							1	20	19	0	0	1
44	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	0	176	4	TTTTN	5	200	0	0	200	2	90	0	0	89	1
45	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	0	135	0							2	90	0	0	90	0
	Tổng chung	96	2630	979	681	880	90							46	1265	495	371	353	46

3.2. Nội dung chi tiết chương trình:

	Mã Môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)						
				Tổng số	Trong đó			Kiểm tra		
					Lý thuyết	TH	THBV	LT	TH	TC
	I	CÁC MÔN HỌC CHUNG, ĐẠI CƯƠNG								
1	MH6101L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	0	2	1	3
2	MH6102L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	0	1	1	2
3	MH6103L	Tin học	1	30	0	29	0	0	1	1
4	MH6104L	Pháp luật	1	15	9	5	0	1	0	1
5	MH6105L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	0	1	1	2
6	MH6106L	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	0	1	0	1
7	MH6107L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	0	1	1	2
8	MH6108L	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	0	1	0	1
9	MH6109L	Vật lý đại cương và lý sinh	1	20	19	0	0	1	0	1
10	MH6110L	Hóa học	1	20	19	0	0	1	0	1
		Tổng	12	290	139	136	0	10	5	15
	II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN								
	II.1	MÔN HỌC CƠ SỞ								
11	MH6111L	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	0	1	0	1
12	MH6112L	Dược lý	1	20	19	0	0	1	0	1
13	MH6113L	Y đức	1	20	19	0	0	1	0	1
14	MH6114L	Giao tiếp thực hành điều dưỡng	2	50	19	29	0	1	1	2

	Mã Môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)						
				Tổng số	Trong đó			Kiểm tra		
					Lý thuyết	TH	THBV	LT	TH	TC
15	MH6115L	Điều dưỡng cơ bản	2	50	19	29	0	1	1	2
	TỔNG		7	160	95	58	0	5	2	7
	II.2	MÔN HỌC CHUYÊN MÔN								
16	MH6116L	Sức khỏe - truyền thông giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	0	1	1	2
17	MH6117L	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	65	19	0	44	1	1	2
18	MH6118L	CSSK người bệnh cao tuổi	2	65	19	0	44	1	1	2
19	MH6119L	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	0	44	1	1	2
20	MH6120L	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	0	44	1	1	2
21	MH6121L	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	0	44	1	1	2
22	MH6122L	Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	2	65	19	0	44	1	1	2
23	MH6123L	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	20	19	0	0	1	0	1
24	MH6124L	Phục hồi chức năng và PHCN dựa vào cộng đồng	1	20	19	0	0	1	0	1
25	MH6125L	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	20	19	0	0	1	0	1
26	MH6126L	Quản lý điều dưỡng	2	50	19	29	0	1	1	2
27	MH6127L	Nghiên cứu khoa học	2	50	19	29	0	1	1	2
28	MH6128L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	0	89	0	1	1
29	MH6129L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0	0	0	0

	Mã Môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)						
				Tổng số	Trong đó			Kiểm tra		
					Lý thuyết	TH	THBV	LT	TH	TC
	TỔNG		25	780	228	177	353	12	10	22
	II.2	MÔN HỌC TỰ CHỌN (chọn 2 tín chỉ)								
30	MH6130L	ĐD chuyên khoa hệ nội	1	15	14	0	0	1	0	1
31	MH6131L	ĐD chuyên khoa hệ ngoại	1	20	19	0	0	1	0	1
32	MH6132L	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi nâng cao	1	15	14	0	0	1	0	1
33	MH6133L	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1	20	19	0	0	1	0	1
	TỔNG		2	35	33	0	0	2	0	2
	Tổng chung		46	1265	495	371	353	19	17	46

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Đoàn thanh niên và Phòng Công tác sinh viên xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa cụ thể theo tình hình thực tế của từng năm học và công bố vào đầu mỗi năm học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun, mô đun

Thi kết thúc học phần

- Hình thức thi: thi tập trung, câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm MCQ.
- Thời điểm thi: Sau khi dạy và học xong một học phần.
- Bộ phận thực hiện: các khoa có trách nhiệm phối hợp với phòng đào tạo và phòng khảo thí cho sinh viên thi kết thúc học phần.

4.4. Hướng dẫn báo cáo tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Làm khóa luận hoặc quy trình điều dưỡng chăm sóc trên bệnh nhân tại các khoa thực tập tốt nghiệp.

- Nội dung:

- + KH chăm sóc người bệnh nội khoa
- + KH chăm sóc người bệnh ngoại khoa
- + KH chăm sóc bệnh nhi
- + KH chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
- + KH Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực.
- Hình thức: Sinh viên trình bày báo cáo khóa luận hoặc quy trình điều dưỡng chăm sóc trên bệnh nhân trước hội đồng.
- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:
 - + Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
 - + Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.
 - + Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

4.5. Chú ý khác

4.5.1. Chuẩn đầu ra

- Tiêu chuẩn 1: Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Tiêu chuẩn 2: Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Tiêu chuẩn 3: Xác định ưu tiên chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng.
- Tiêu chuẩn 4: Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.
- Tiêu chuẩn 5: Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh
- Tiêu chuẩn 6: Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình.
- Tiêu chuẩn 7: Dùng thuốc đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chăm sóc liên tục.
- Tiêu chuẩn 9: Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu.
- Tiêu chuẩn 10: Thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.
- Tiêu chuẩn 11: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.
- Tiêu chuẩn 12: Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông và phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.
- Tiêu chuẩn 13: Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp.
- Tiêu chuẩn 14: Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Tiêu chuẩn 15: Hợp tác với thành viên trong nhóm.
- Tiêu chuẩn 16: Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo qui định.

Tiêu chuẩn 17: Quản lý công tác chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 18: Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị có hiệu quả.

Tiêu chuẩn 19: Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả.

Tiêu chuẩn 20: Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 21: Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc.

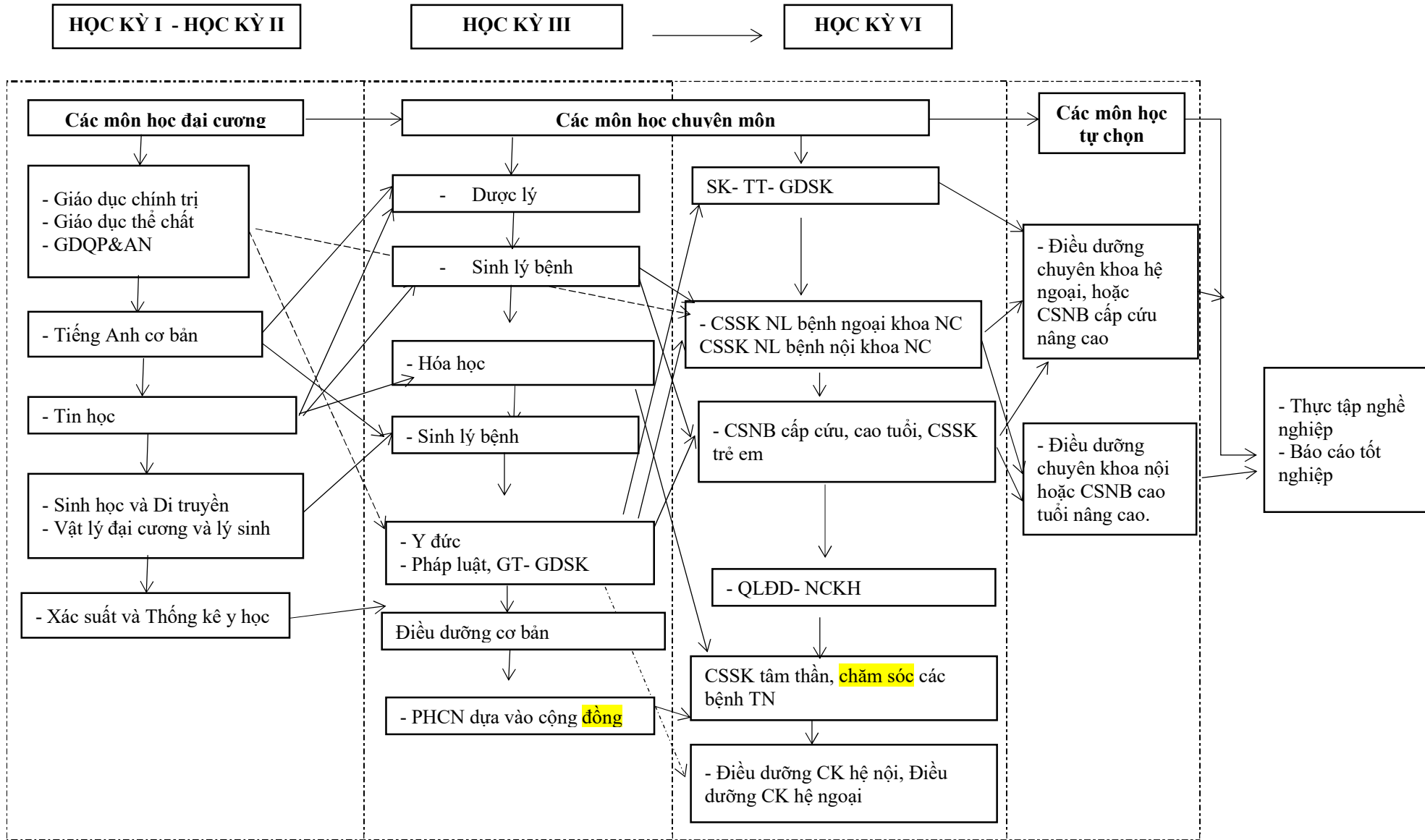
Tiêu chuẩn 22: Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng.

Tiêu chuẩn 23: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp.

Tiêu chuẩn 24: Hành nghề theo quy định của pháp luật.

Tiêu chuẩn 25: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



4.5.2. Kế hoạch dạy học

T T	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Kiểm tra
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	
I	Học kỳ I						
1	MH6101L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MH6102L	Tiếng Anh cơ bản	1	30			
3	MH6104L	Pháp luật	1	15	9	5	1
4	MH6107L	Xác suất thống kê và thống kê y học	2	50	19	29	2
5	MH6115L	Điều dưỡng cơ bản	2	50	19	29	2
6	MH6111L	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
7	MH6114L	Giao tiếp- Thực hành điều dưỡng	2	50	19	29	2
	Tổng cộng		11	260	111	108	11
II	Học kỳ II						
8	MH6108L	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
9	MH6109L	Vật lý đại cương và lý sinh	1	20	19	0	1
10	MH6110L	Hóa học	1	20	19	0	1
11	MH6105L	Giáo dục thể chất ^(*)	1	30	1	27	2
12	MH6106L	Giáo dục Quốc phòng ^(*)	1	30	15	14	1
13	MH6112L	Dược lý	1	20	19	0	1
14	MH6103L	Tin học	1	30	0	29	1
15	MH6113L	Y đức	1	20	19	0	1
16	MH6119L	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	2	65	19	44	2
17	MH6120L	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao	2	65	19	44	2
	Tổng cộng		12	320	149	158	13

T T	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Kiểm tra
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	
III	Học kỳ III						
18	MH6116L	Sức khỏe – Truyền thông GDSK	2	50	19	29	2
19	MH6117L	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	65	19	44	2
20	MH6118L	Chăm sóc người bệnh cao tuổi	2	65	19	44	2
21	MH6121L	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	65	19	44	2
22	MH6122L	Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm	2	65	19	44	2
23	MH6123L	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	20	19	0	1
	Tổng cộng		11	330	114	205	11
IV	Học kỳ IV						
24	MH6125L	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	20	19	0	1
25	MH6124L	PHCN và PHCN dựa vào cộng đồng	1	20	19	0	1
26	MH6126L	Quản lý điều dưỡng	2	50	19	29	2
27	MH6127L	Nghiên cứu khoa học	2	50	19	29	2
28	MH6128L	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội	1	15	14	0	1
29	MH6129L	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	1	20	19	0	1
30	MH6128L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	89	1
31	MH6129L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
	Tổng cộng		12	355	109	237	9
Tổng chung			46	1265	495	724	46

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành (Thảo luận): 16 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	10	8	2	
2	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6	2	
3	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	3	2	1
4	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
5	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8	3	4	1
6	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	7	3	3	1
	Tổng cộng	45	26	16	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 4: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thời gian:

6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 5: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 6: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
21. Giáo trình môn học Giáo dục chính trị của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành: 16 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các

thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	6	3	3	
2	Bài 2: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	6	3	3	
3	Bài 3: Công nghệ (Technology)	6	3	3	
4	Bài 4: Mua sắm (Shopping)	6	3	3	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	6	0	4	2
	Tổng cộng	30	12	16	2

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS) Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 2. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. MUA SẮM (SHOPPING)

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra:

- Hướng dẫn thực hành bài tập
- Thực hiện kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản

thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.
- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.
- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.
9. Giáo trình môn học Tiếng Anh cơ bản của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	2	0	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	2	0	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	4	0	4	
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	16	0	15	1
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	4	0	4	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	2	0	2	
	Tổng cộng	30	0	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

- 2.1.1.1. Thông tin
- 2.1.1.2. Dữ liệu
- 2.1.1.3. Xử lý thông tin
- 2.1.2. Phần cứng
 - 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
 - 2.1.2.2. Thiết bị nhập
 - 2.1.2.3. Thiết bị xuất
 - 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

- 2.2.1. Phần mềm hệ thống
- 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
- 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
- 2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
- 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

- 2.4.1. Những khái niệm cơ bản
- 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
- 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.2. Tốc độ truyền
 - 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
- 2.4.4. Phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.2. Băng thông
 - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
- 2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

- 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
- 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

- 2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
 - 2.2.2.3. Lưu tập tin
 - 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
 - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

- 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
- 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
- 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
- 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
 - 2.2.2.3. Lưu nội dung
 - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
 - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
 - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
 - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím,

Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016.
12. Giáo trình môn học Tin học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (LT: 19 giờ; TH: 29 giờ, KT: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.
2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	Chương 2: Các định lý xác suất	4	2	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	2	
4	Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	Chương 6: Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.				
	Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	
8	Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui	22			
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

2. Nội dung chương:

2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

2.1.1. Phép thử và biến cố

2.1.2. Xác suất của biến cố

2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

Chương 2: Các định lý xác suất

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Nắm được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung chương:

2.1. Các định lý xác suất

2.1.1. Định lý nhân xác suất.

2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc
 - 2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.
 - 2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.
 - 2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.
 - 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.
 - 2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.
 - 2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.
- 1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.
- 1.3. Biết áp dụng công thức tính xác suất của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.
- 1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục
 - 2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.
 - 2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 - 2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương
 - 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;
- 1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;
- 1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;
- 1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;

2. Nội dung chương:

- 2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản.
 - 2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.
 - 2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.
 - 2.1.4. Thống kê.
 - 2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

Chương 6: Ước lượng tham số

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;
- 1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
- 1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;

2. Nội dung chương:

- 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.
- 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
- 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
- 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Thống kê, phân phối và biến số

Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui

Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Ước lượng
- 2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ
- 2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R
- 2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R
- 2.5. Kiểm định T-test bắt cặp, không bắt cặp, Anova bằng R
- 2.6. Tương quan hồi quy
- 2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.

2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.

3. Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác suất. Nhà xuất bản giáo dục

4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

5. Giáo trình môn học Xác suất và thống kê y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (LT: 19, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện ở học kỳ I, sau môn học Tin học.

- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.

+ Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.

+ Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.

+ Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào

+ Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế

+ Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử				
1	Hệ thống tế bào	2	2		

2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		
3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
	Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền				
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
	Cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào
- 1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

2. Nội dung chương

2.1. Hệ thống tế bào.

- 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
- 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
- 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
- 2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống

2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.

- 2.2.1. Hình dạng tế bào
- 2.2.2. Kích thước tế bào
- 2.2.3. Số lượng tế bào
- 2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương

- 2.3. Sự phân chia tế bào.
 - 2.3.1. Sự phân bào trực phân
 - 2.3.2. Sự phân bào gián phân
 - 2.3.3. Phân bào giảm nhiễm
- 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.
 - 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục
 - 2.4.2. Sự phát triển giao tử
 - 2.4.3. Nguồn gốc các giao tử
 - 2.4.4. Quá trình tạo giao tử
- 2.5. Sinh học phát triển.
 - 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
 - 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.5.6. Giai đoạn già lão
 - 2.5.7. Giai đoạn tử vong
- 2.6. Các qui luật di truyền.
 - 2.6.1. Quy luật Mendel
 - 2.6.2. Quy luật Mendel – Quy luật phân ly độc lập
 - 2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen
 - 2.6.4. Liên kết gen
 - 2.6.5. Hoán vị gen
 - 2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân
 - 2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền

2. Nội dung:

- 2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
 - 2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người
 - 2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người

- 2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người
- 2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường
- 2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính
- 2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.
 - 2.2.1. Lịch sử của di truyền học
 - 2.2.2. Nội dung của di truyền học người
 - 2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen
 - 2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu
 - 2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người
- 2.3. Sinh học phân tử.
 - 2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA
 - 2.3.2. RNA, quá trình phiên mã
 - 2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein
 - 2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein
- 2.4. Sinh thái học.
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Đối tượng sinh thái học
 - 2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thái học với các môn học khác
 - 2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học
 - 2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học
 - 2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, máy chiếu Video
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.

- Về kỹ năng: đánh giá bằng thi thực hành chạy trạm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, nhận định mẫu trên lam kính, trên kính hiển vi, tình huống qua chiếu video).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập..

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu học tập/ tham khảo:

- Giáo trình học phần Sinh học đại cương và di truyền do nhà trường biên soạn

- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.

- Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.

5. Ghi chú và giải thích: Toán – Tin – Hóa – Sinh – Ngoại ngữ thuộc khoa khoa học cơ bản.

6. Giáo trình môn học Sinh học và di truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (LT: 19, TH: 0 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện ở học kỳ I, sau môn học sinh học và di truyền.
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết vật lý-lý sinh, vận dụng được các kiến thức môn học vào các học phần khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

- + Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh lý y học.
- + Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học
- + Trình bày được cơ chế vật lý của các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể con người.
- + Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác
- Về kỹ năng
- + Áp dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc bệnh nhân một cách khoa học.
- + Trình bày một số phương pháp vật lý cơ bản được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hiện nay.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
- + Vận dụng được các kiến thức trên vào việc học tập và nghiên cứu các môn Y học cơ sở và y học lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Tên chương	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Vật lý đại cương				
1	Sự phân cực của chất điện môi	2	2		

2	Tương tác từ của dòng điện	2	2		
3	Bản chất của dòng điện	2	2		
4	Dòng điện và sự sống	2	2		
5	Quang sinh học	2	2		
6	Phóng xạ sinh học	2	2		
	Chương 2: Lý sinh trong Y học				
7	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	2	2		
8	Lý sinh một số cơ quan cảm giác	2	2		
9	Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học	2	2		
10	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	2	1		1
	Cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Vật lý đại cương

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.

2. Nội dung chương

2.1. Sự phân cực của chất điện môi

2.1.1 Hiện tượng phân cực điện môi

2.1.2. Phân tử phân cực và phân tử không phân cực

2.1.3. Giải thích hiện tượng phân cực điện môi

2.2. Tương tác từ của dòng điện

2.2.1. Thí nghiệm về tương tác của dòng điện

2.2.2. Định luật Ampère về tương tác từ của dòng điện

2.3. Bản chất của dòng điện

2.3.1. Định nghĩa dòng điện

2.3.2. Bản chất của dòng điện

2.3.3. Tác dụng của dòng điện

- 2.4. Dòng điện và sự sống
- 2.4.1 Hiện tượng định sinh vật
- 2.4.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị
- 2.5. Quang sinh học
- 2.5.1. Đại cương về tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
- 2.5.2. Một số quá trình quang sinh
- 2.6. Phóng xạ sinh học.
- 2.6.1. Bức xạ ion hóa
- 2.6.2. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

Chương 2: Lý sinh trong y học

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.
- Thực hiện được một số phương pháp lý sinh dùng trong y học.
- Thực hiện phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm.

2. Nội dung chương:

2.1. Lý sinh tuần hoàn và hô hấp

- 2.1.1. Sơ lược về tính chất vật lý của hệ tuần hoàn
- 2.1.2. Sự thay đổi áp suất và tốc độ chảy của máu trong các động mạch
- 2.1.3. Hoạt động hô hấp
- 2.1.4. Sự vận chuyển khí trong cơ thể
- 2.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

2.2. Lý sinh một số cơ quan cảm giác

2.2.1. Thị giác

- 2.2.1.1. Quang hình học của mắt
- 2.2.1.2. Khả năng điều tiết của mắt
- 2.2.1.3. Khả năng phân ly của mắt

2.2.2. Thính giác

- 2.2.2.1. Sơ lược cấu tạo cơ quan thính giác
- 2.2.2.2. Cơ chế quá trình nghe

2.3. Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học

- 2.3.1. Ứng dụng của siêu âm trong y học
- 2.3.2. Ứng dụng của laser trong y học

2.4. Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm

2.4.1. Sai số

2.4.2. Phân tích đồ thị các số liệu thực nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên phòng thực hành lý sinh

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, tài liệu phát tay); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học.

- Kỹ năng: vận dụng một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học vật lý đại cương và lý sinh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, áp dụng phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực hành: Tại phòng thí nghiệm của trường. thực hành trên sinh vật thí nghiệm (ếch, chó...)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học, một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Thiện, Vật lý đại cương, Đại học Y khoa Hà Nội 1994.
- Nguyễn Văn Thiện, Bài giảng lý sinh y học 1998.
- Giáo trình Lý sinh y học, Giáo trình giảng dạy cho cử nhân y tế công cộng, của trường Đại học y tế công cộng (NXB Y học 2004).
- Lương Duyên Bình, Vật lý đại cương (tập 1), NXB Giáo dục 2003.
- Phan Sỹ An và cộng sự, Lý sinh y học, NXB Y học 1998.
- Giáo trình môn học Vật lý đại cương và Lý sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện trong học kỳ I.

2. **Tính chất môn học:** Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.

2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.

3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học

4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

- Về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức môn Hóa học để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm.

2. Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học					
1	1. Cấu tạo chất	13	4		
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Dung dịch		3		
	4. Phức chất		3		
Chương II: Hóa học vô cơ					
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố	3	1		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		
Chương III: Hóa học hữu cơ					
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học	4	3		1
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.
2. Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.
3. Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
4. Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
5. Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
6. Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

2. Nội dung

- 2.1. Cấu tạo chất
 - 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
 - 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
 - 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
 - 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
 - 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
 - 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học
- 2.2. Nhiệt động hoá học
 - 2.2.1. Một số khái niệm
 - 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
 - 2.2.3. Nhiệt hóa học
 - 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
 - 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.3. Dung dịch
 - 2.4.1. Khái niệm
 - 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch
 - 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất
- 2.4. Phức chất
 - 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất
 - 2.5.2. Phân loại phức chất
 - 2.5.3. Danh pháp phức chất
 - 2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

Chương II: Hóa học vô cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
2. Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố
 - 2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản
 - 2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)
 - 2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)
- 2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B)
 - 2.2.1. Nguyên tố nhóm A

2.2.2. Nguyên tố nhóm B

Chương III: Hóa học hữu cơ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1. Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản.
2. Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học

- 2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng thực hành hóa phân tích.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học
- Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

- **Kỹ năng:** vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Hóa Đại cương vô cơ được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thành Phước (2011), Hóa đại cương – vô cơ, tập 1,2, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2, NXB Y học, Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Hóa học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 01 giờ; thực hành: 27 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG	14	0	13	1
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7		7	
2	Bài 2: Điền kinh	7		6	1
B	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN	16	1	14	1

	(chọn 1 trong các chuyên đề sau)				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	16	1	14	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	16	1	14	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	16	1	14	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	16	1	14	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	16	1	14	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	16	1	14	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	16	1	14	1
	Cộng	30	1	27	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Thời gian: 14 giờ

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Thời gian:

16 giờ

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

- 2.2.2. Động tác chân và tay
- 2.2.3. Phối hợp tay - chân
- 2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở
- 2.2.5. Kỹ thuật xuất phát
- 2.2.6. Kỹ thuật quay vòng
- 2.2.7. Kỹ thuật về đích
- 2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Cầu lông
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt
 - 2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm
 - 2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ
 - 2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)
 - 2.2.7. Kỹ thuật đập cầu
 - 2.2.8. Chiến thuật thi đấu
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

- 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
- 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
- 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
- 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
- 2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng
- 2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
 - 2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
 - 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
 - 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

- 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng
- 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
- 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
- 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
- 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.
- 2. Trang thiết bị:
 - 2.1. Đối với giáo dục thể chất chung
 - Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.
 - Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác.
21. Giáo trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 14 giờ; kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
5	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	3	6	1

	CỘNG	30	15	14	1
--	-------------	-----------	-----------	-----------	----------

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 2: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
 - 2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
 - 2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
 - 2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
 - 2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh
 - 2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt
 - 2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
 - 2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
 - 2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới
- 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
 - 2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
 - 2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 4: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 5: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn càn 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn càn 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;

- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;

- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiêu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.
32. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện ở học kỳ II

2. Tính chất: Môn học thuộc phần cơ sở ngành, sau môn Giải phẫu – sinh lý.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	00	00
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	00	00
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	00	00
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	00	00
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	00	00
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	00	00

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	00	00
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	00	00
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	00	00
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	00	00
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	00	00
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	00	00
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	00	00
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	00	00
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	00	01
Tổng cộng		20	19	00	01

3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- Về kỹ năng

Vận dụng được vào việc học tập các học phần khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học sinh lý bệnh trong y học.
2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.
3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.
4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học

2.2.1. Vị trí.

2.2.2. Tính chất và vai trò.

2.3. Khái niệm về bệnh

2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.

2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay

2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.

2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên

2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.

2.5.1. Đại cương.

2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.

2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.

2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.

3. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.

4. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.

2.1.3. Chuyển hóa.

2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.

2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.

2.2.1. Rối loạn glucose máu

2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.
2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.
3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.
 - 2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.
 - 2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.
 - 2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng
 - 2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.
 - 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.
 - 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.
2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.
3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.
4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Tiêu hóa hấp thu
 - 2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.
 - 2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)
 - 2.1.4. Dự trữ mỡ.
 - 2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid
 - 2.2.1. Tăng lipid máu
 - 2.2.2. Rối loạn lipo-protein.
 - 2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol
 - 2.2.4. Béo phì.

2.2.5. Gây.

2.2.6. Xơ vữa động mạch

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được ba cách phân loại mất nước.
2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.
3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.
 - 2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.
 - 2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.
 - 2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể
 - 2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
 - 2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.
 - 2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.
2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.
- 2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.
 - 2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.
 - 2.2.2. Vai trò hô hấp.
 - 2.2.3. Vai trò của thận.
- 2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm
 - 2.3.1. Nhiễm toan.
 - 2.3.2. Nhiễm kiềm.
- 2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.
3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.
4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.
 - 2.1.3. Phân loại viêm.
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.
 - 2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
 - 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.
 - 2.2.3. Tổn thương mô.
 - 2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
 - 2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.
 - 2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.
 - 2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.
2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.
3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.
4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.
5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung

- 2.1. Điều hòa thân nhiệt.
 - 2.1.1. Biến nhiệt và ổn nhiệt.
 - 2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.
- 2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.
 - 2.2.1. Giảm thân nhiệt.
 - 2.2.2. Tăng thân nhiệt.
- 2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.
 - 2.3.1. Định nghĩa.

- 2.3.2. Chất gây sốt.
- 2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.
- 2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.
- 2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.
- 2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.
- 2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

Bài 9: Sinh lý bệnh tạo máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.
- 2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.
- 3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.
 - 2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.
 - 2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.
 - 2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.
 - 2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.
 - 2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.
- 2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.
 - 2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.
 - 2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.
- 2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.
 - 2.3.1. Tình trạng tăng đông.
 - 2.3.2. Tình trạng giảm đông.

Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.
- 2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.
- 3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

2. Nội dung

- 2.1. Suy tim
 - 2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.
 - 2.1.2. Suy tim

- 2.2. Bệnh lý ở mạch.
- 2.2.1. Xơ vữa động mạch.
- 2.2.2. Cao huyết áp.
- 2.2.3. Hạ huyết áp.

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.
- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.
- Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương chức năng hô hấp.
- 2.2. Rối loạn thông khí.
 - 2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thở.
 - 2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.
- 2.3. Rối loạn khuếch tán.
 - 2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.
 - 2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.
 - 2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.
- 2.4. Suy hô hấp.
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Phân loại.
 - 2.4.3. Biểu hiện của suy hô hấp.
 - 2.4.4. Thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.
- 2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.
 - 2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.
 - 2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.

- 2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.
- 2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.
- 2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.
- 2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.
- 2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.
- 2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiếu năng tiêu hóa.

Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.
- 2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.
- 2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.
- 2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.
- 2.3. Rối loạn chức năng của gan.
- 2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.
- 2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.
- 2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.
- 2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.
- 2.4. Suy gan.
- 2.4.1. Suy gan cấp tính.
- 2.4.2. Suy gan mạn tính.
- 2.4.3. Hôn mê gan.

Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.
- 2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.
- 3. -Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về chức năng thận
- 2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận
- 2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.

- 2.2.2. Đặc điểm chức năng.
- 2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.
 - 2.3.1. Nước tiểu.
 - 2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.
- 2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.
 - 2.4.1. Viêm cầu thận cấp.
 - 2.4.2. Viêm cầu thận mạn.
 - 2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.
 - 2.4.4. Viêm ống thận cấp.
- 2.5. Suy thận
 - 2.5.1. Suy thận cấp.
 - 2.5.2. Suy thận mạn.

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.
2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.
3. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
4. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiếu năng miễn dịch do nhiễm HIV.
5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2. Nội dung

- 2.1. Quá mẫn
 - 2.1.1. Đại cương.
 - 2.1.2. Quá mẫn type I.
 - 2.1.3. Quá mẫn type II.
 - 2.1.4. Quá mẫn type III.
 - 2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)
- 2.2. Thiếu năng miễn dịch
 - 2.2.1. Đại cương.
 - 2.2.2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
 - 2.2.3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải.
- 2.3. Bệnh tự miễn
 - 2.3.1. Đại cương.
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.

- 2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.
- 2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.
- 2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.
- 2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Giảng đường.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** laptop, projector.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

-Về kiến thức

- + Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
- + Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
- + Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- Về kỹ năng: Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
 - $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).
- + 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);
- + Thời gian: từ 60 đến 120 phút;
- + Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH)

- + Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho công tác thực tế khi ra trường.

- Góp phần kiến tạo cho người cán Bộ Y tế trong tương lai có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phân tích tổng hợp trên cơ sở hiểu biết các yếu tố chi phối sức khỏe con người, quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh lý bệnh, 1990.
3. Đại học Y tế công cộng, Sinh lý bệnh miễn dịch học, 2003.
4. Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
5. Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
6. Đại học Điều dưỡng Nam Định: Giáo trình Sinh lý bệnh.
7. Giáo trình môn học Sinh lý bệnh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** thực hiện ở học kỳ II

2. **Tính chất:** Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học; đọc, viết đúng tên cũng như nhận biết được hình dạng của một số thuốc thông dụng; vận dụng được những kiến thức đã học vào trong thực tế hoạt động nghề nghiệp để sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
2. Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- **Về kỹ năng:** Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
2. Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	1	1	0	
2	Vitamin và các chất vô cơ	1	1	0	
3	Vaccin phòng bệnh	1	1	0	
4	Thuốc kháng sinh	2	2	0	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
5	Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	2	2	0	
6	Thuốc ngủ, an thần, chống co giật	2	2	0	
7	Thuốc nội tiết	1	1	0	
8	Thuốc điều trị các bệnh tim mạch	2	2	0	
9	Thuốc lợi tiểu	1	1	0	
10	Thuốc điều trị ho và hen phế quản	1	1	0	
11	Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa	3	2	0	1
12	Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu	1	1	0	
13	Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base	1	1	0	
14	Thuốc chống dị ứng	1	1	0	
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về thuốc và quan niệm về dùng thuốc trong điều trị.
2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc.
3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc, tai biến do thuốc và tương tác thuốc.
4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, nồng độ, hàm lượng; các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; sự biến đổi và các đường thải trừ của thuốc.

2. Nội dung

2.1. Dược lý học

2.1.1. Khái niệm về thuốc.

2.1.2. Quan niệm về dùng thuốc.

- 2.2. Dược động học.
 - 2.2.1. Hấp thu.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.3. Chuyển hóa thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.4. Thải trừ thuốc.
- 2.3. Tác dụng của thuốc.
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc.
 - 2.3.2. Tai biến do thuốc hay tác dụng không mong muốn.
- 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
 - 2.4.1. Các yếu tố thuộc về thuốc.
 - 2.4.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh
 - 2.4.3. Ảnh hưởng của thức ăn, nước uống tới tác dụng của thuốc.
 - 2.4.4. Thời điểm dùng thuốc.

Bài 2: Vitamin và các chất vô cơ

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được vai trò, tác dụng, cách phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.
2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các vitamin và các chất vô cơ đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về vitamin
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Phân loại vitamin.
 - 2.1.3. Nguyên tắc sử dụng vitamin.
 - 2.1.4. Chống chỉ định dùng vitamin.
- 2.2. Một số vitamin thông dụng
- 2.3. Một số chất vô cơ thông dụng

Bài 3: Vaccin phòng bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại và kỹ thuật bảo quản vaccin.
2. Trình bày được tính chất, chỉ định, cách dùng, bảo quản các vaccin phòng bệnh trong nội dung bài.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm về vaccin.

- 2.1.2. Phân loại các vaccin.
- 2.1.3. Bảo quản vaccin.
- 2.1.4. Chú ý khi sử dụng vaccine
- 2.2. Một số vaccine phòng bệnh thông dụng.

Bài 4: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và các đặc điểm của các họ kháng sinh.
- 2. Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.
- 3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc kháng sinh đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kháng sinh.
- 2.3. Nhóm kháng sinh kháng khuẩn.
 - 2.3.1. Nhóm Beta – lactam.
 - 2.3.2. Nhóm Aminoglycosid.
 - 2.3.3. Nhóm phenicol.
 - 2.3.4. Nhóm Tetracyclin.
 - 2.3.5. Nhóm Macrolid.
 - 2.3.6. Nhóm Quinolon.
- 2.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- 2.5. Một số kháng sinh thông dụng.

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.
- 2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm được giới thiệu trong bài học.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.
 - 2.1.3. Tác dụng và cơ chế tác dụng.
 - 2.1.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc chống viêm không steroid.

2.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm thông dụng.

2.3. Hướng dẫn được cho cộng đồng sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp hợp lý, an toàn.

Bài 6: Thuốc ngủ, an thần, chống co giật

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất barbituric, benzodiazepine.

2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ, an thần, chống co giật.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm.

2.1.1. Thuốc ngủ.

2.1.2. Thuốc an thần.

2.1.3. Thuốc chống co giật.

2.2. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất Barbituric.

2.2.1. Đặc điểm về cấu trúc.

2.2.2. Một số dẫn xuất của Barbituric.

2.3. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất của Benzodiazepin.

2.3.1. Bảng so sánh tác dụng của một số dẫn xuất của Benzodiazepin.

2.3.2. Chuyển hóa của các dẫn chất benzodiazepine.

2.4. Một số thuốc ngủ, an thần, chống co giật thông dụng.

Bài 7: Thuốc nội tiết

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.

2. Nêu được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid.

3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các hormon và các dẫn chất tổng hợp dùng làm thuốc được giới thiệu trong bài.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về thuốc nội tiết

2.1.1. Định nghĩa nội tiết tố.

2.1.2. Vai trò của thuốc nội tiết.

2.1.3. Đặc điểm của thuốc nội tiết.

2.1.4. Phân loại thuốc nội tiết.

2.2. Các thuốc nội tiết thông dụng

2.2. Trình bày được công dụng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm.

2.3. Vận dụng được để hướng dẫn cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bài 8: Thuốc điều trị các bệnh tim mạch

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch.
2. Nêu được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản một số thuốc điều trị bệnh tim mạch.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Phân loại.

2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

Bài 9. Thuốc lợi tiểu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, tính chất, tác dụng, cơ chế tác dụng của các thuốc lợi tiểu.
2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định, bảo quản các thuốc có tác dụng lợi tiểu.

2. Nội dung

2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu.

2.1.1. Nhóm sulfamid lợi tiểu.

2.1.2. Các thuốc lợi tiểu khác.

2.2. Các thuốc lợi tiểu thông dụng.

Bài 10. Thuốc điều trị ho và hen phế quản

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được cách phân loại thuốc chữa ho, hen theo cơ chế tác dụng.
2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc chữa ho và hen phế quản.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Phân loại thuốc ho và hen phế quản.

2.2.1. Thuốc chữa ho.

2.2. Thuốc chữa hen phế quản

2.3. Các thuốc chữa ho và hen phế quản thông dụng

Bài 11. Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng.
2. Trình bày được cơ chế tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
3. Nêu được các phân loại thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ.
4. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun sán.
5. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng, thuốc nhuận tràng, lợi mật, thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ, thuốc trị giun sán.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc chống viêm loét dạ dày – tá tràng
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng thông dụng
- 2.2. Thuốc nhuận tràng, lợi mật
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các thuốc nhuận tràng, lợi mật thông dụng.
- 2.3. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ.
 - 2.3.1 Đại cương.
 - 2.3.2. Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ thông dụng
- 2.4. Thuốc trị giun sán
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Một số thuốc trị giun sán thông dụng

Bài 12. Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa bệnh tai mũi họng.
2. Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc khi sử dụng thuốc chữa bệnh về mắt.
3. Trình bày được phân loại và sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da.
4. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc dùng cho mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc chữa bệnh tai, mũi, họng
- 2.2. Thuốc dùng cho mắt.
 - 2.2.1. Phân loại thuốc chữa bệnh về mắt.
 - 2.2.2. Các thuốc dùng cho mắt thông dụng.

2.3. Thuốc ngoài da

2.3.1. Phân loại.

2.3.2. Các thuốc thông dụng.

Bài 13. Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.

2. Trình bày được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các dung dịch tiêm truyền đã học.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của nước và các chất điện giải đối với cơ thể.

2.1.1. Vai trò của nước trong cơ thể.

2.1.2. Vai trò của một số chất điện giải trong cơ thể

2.2. Phân loại các thuốc tiêm truyền

2.3. Một số thuốc và chế phẩm thông dụng.

Bài 14. Thuốc chống dị ứng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng tổng hợp.

2. Nêu được tính chất, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản của các thuốc chống dị ứng tổng hợp đã học.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vài nét về dị ứng và thuốc chống dị ứng.

2.1.2. Công thức chung của thuốc kháng histamin.

2.1.3. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin.

2.1.4. Tác dụng không mong muốn của thuốc kháng histamin.

2.1.5. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin tổng hợp.

2.1.6. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng.

2.2. Các thuốc chống dị ứng thông dụng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

- + Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
- + Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- **Về kỹ năng:** Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
- + Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Dược lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

Tài liệu tham khảo

1. Dược lý học - Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Hóa dược – Dược lý (2006), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Giáo trình môn học Dược lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** thực hiện ở học kỳ II.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những khái niệm về phẩm chất đạo đức của điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về y đức điều dưỡng (của hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng
6. Trình bày quy định về y đức của Bộ Y tế

- Về kỹ năng

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học rèn luyện ý thức tôn trọng, thương yêu người bệnh
2. Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về đạo đức của người điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử y học	4	4		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	<ul style="list-style-type: none"> - Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) - Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) - Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) - Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại) - Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay) 				
2	Chương 2: Y Đức	6	6		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học 				
3	Chương 3: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế	10	9		1
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ nghề nghiệp của người cán bộ y tế - Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa - Những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế - Quy định về y đức của Bộ Y tế 				
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử y học

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)

4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2. Nội dung

- 2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon
 - 2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại
 - 2.2.3. Thời Ấn độ cổ đại
 - 2.2.4. Thời Hy Lạp cổ đại
 - 2.2.5. Thời La mã cổ đại
- 2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
 - 2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN
 - 2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

Chương 2: Y Đức

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.
2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.
3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
- 2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo
- 2.3. Lịch sử đạo đức y học
 - 2.3.1. Y đức thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.3.2. Y đức thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
 - 2.3.3. Y đức thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
 - 2.3.4. Y đức thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

Chương 3: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng.
2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng.
3. Trình bày những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế

4. Trình bày quy định về y đức của Bộ Y tế

2. Nội dung

2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Điều dưỡng;

2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng;

2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng;

2.4. Quy định về y đức của Bộ Y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết

2. Trang thiết bị: Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

+ Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.

+ Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.

+ Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.

+ Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

+ Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

- Về kỹ năng

+ Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

+ Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Người học rèn luyện ý thức tôn trọng, thương yêu người bệnh

+ Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2013), Tâm lý học – Y học – Y đức, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Trường Đại học y tế công cộng (2003), Đạo đức trong thực hành y tế công cộng, NXB Hà Nội.

3. Giáo trình môn học Đạo đức hành nghề y dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Pháp luật dân sự	5	3	2	
2	Bài 2: Pháp luật hành chính	4	3	1	
3	Bài 3: Pháp luật hình sự	6	3	2	1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: PHÁP LUẬT DÂN SỰ Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
 - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
 - 2.3.2. Hợp đồng

Bài 2: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 3: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.

- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Bộ Luật dân sự, 2015.

4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

25. Giáo trình môn học Pháp luật của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: thực hiện trong học kỳ II

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe; nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng; nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng; quy trình điều dưỡng để chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe.
2. Trình bày các nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.
2. Nhận định và đánh giá sức khỏe cho người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử- định hướng phát triển của ngành điều dưỡng	3	3	0	
1.1	Lịch sử điều dưỡng - Định hướng điều dưỡng	2	2	0	
1.2	Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng	1	1	0	
2	Chương 2: Quy trình chăm sóc người bệnh	14	5	8	1

2.1	Nhu cầu cơ bản của con người	2	2	0	
2.2	Quy trình điều dưỡng	12	3	8	1
3	Chương 3: Chăm sóc vết thương	10	3	7	
3.1	Kỹ thuật băng các loại.	3	1	2	
3.2	Kỹ thuật chăm sóc vết thương-vết khâu-vết thương có ống dẫn lưu (màng phổi, Kehr, Douglas, dưới gan...).	4	1	3	
3.3	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn nhân tạo, mở khí quản.	3	1	2	
		Thời gian (giờ)			
TT	Tên chương, mục	TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4	Chương 4: Chăm sóc tiêu hóa và bài tiết	8	3	4	1
4.1	Các phương pháp đưa thức ăn vào cơ thể người bệnh, hút dịch vị-tá tràng	4	2	2	
4.2	Chăm sóc người bệnh thông tiểu dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	4	1	2	1
5	Chương 5: Điều trị-Điều dưỡng	12	4	8	
5.1	Oxy liệu pháp	3	1	2	
5.2	Hút đờm nhớt	3	1	2	
5.3	Những nguyên tắc dùng thuốc, các phương pháp dùng thuốc, tiêm an toàn	3	1	2	
5.4	Tiêm truyền dung dịch, truyền máu	3	1	2	
6	Chương 6: Sơ cấp cứu ban đầu	3	1	2	
6.1	Cấp cứu hô hấp tuần hoàn	3	1	2	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử điều dưỡng- Định hướng ngành điều dưỡng Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
2. Trình bày được những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
3. Trình bày được những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
4. Nêu được định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
5. Trình bày được chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
- 2.2. Những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
- 2.3. Những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
- 2.4. Định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
- 2.5. Chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

Chương 2: Quy trình chăm sóc người bệnh Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.
2. Trình bày được nội dung các bước của quy trình điều dưỡng
3. Lập được bảng kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.
- 2.2. Nội dung các bước của quy trình điều dưỡng
- 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

Chương 3: Chăm sóc vết thương Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được những đại cương về thay băng vết thương và các loại băng cơ bản, chăm sóc vết thương và vết thương có ống dẫn lưu, chăm sóc hậu môn nhân tạo và mở khí quản.
2. Trình bày những nguyên tắc cơ bản khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.
3. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật thành thạo.
4. Thể hiện thái độ tôn trọng người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1 Đại cương về thay băng vết thương và các loại băng cơ bản, chăm sóc vết thương và vết thương có ống dẫn lưu, chăm sóc hậu môn nhân tạo và mở khí quản.

2.2. Những nguyên tắc cơ bản khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

2.3. Các quy trình kỹ thuật thành thạo.

2.4. Kỹ thuật tiến hành.

Chương 4: Chăm sóc tiêu hóa và bài tiết

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của con người về chất lượng, vai trò, tác dụng của các chất sử dụng làm thức ăn.

2. Kể được các yếu tố ảnh hưởng, rối loạn đến chức năng tiêu hóa.

3. Liệt kê được mục đích và chỉ định trong việc giúp người bệnh ăn, rửa dạ dày, thông tiêu, rửa bàng quang.

4. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật giúp người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày, thông tiêu, rửa bàng quang.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu về dinh dưỡng-Khẩu phần ăn-Điều dưỡng các rối loạn về chức năng tiêu hóa.

2.1.1. Nhu cầu dinh dưỡng.

2.1.2. Khẩu phần ăn.

2.1.3. Yêu cầu ăn ngon miệng.

2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa.

2.1.5. Các rối loạn tiêu hóa thường gặp.

2.1.6. Quy trình điều dưỡng đối với các rối loạn tiêu hóa.

2.2. Các phương pháp đưa thức ăn vào cơ thể người bệnh, hút dịch vị-tá tràng

2.2.1. Mục đích, chỉ định.

2.2.2. Nhận định người bệnh.

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.

2.3. Kỹ thuật rửa dạ dày

2.3.1. Định nghĩa.

2.3.2. Mục đích, chỉ định.

2.3.3. Chống chỉ định.

2.3.4. Quy trình chăm sóc người bệnh rửa dạ dày.

2.3.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.3.6. Kỹ thuật tiến hành.

- 2.4. Chăm sóc người bệnh thông tiểu dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang
- 2.4.1. Đại cương
- 2.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu.
- 2.4.3. Một số định nghĩa về sự bài tiết bất thường qua đường niệu
- 2.4.4. Định nghĩa-Mục đích
- 2.4.5. Chỉ định- Chống chỉ định.
- 2.4.6. Các phương pháp dẫn lưu nước tiểu
- 2.4.7. Các tai biến, biến chứng, nguyên nhân, cách xử trí và phòng ngừa.
- 2.4.8. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
- 2.4.9. Kỹ thuật tiến hành.

Chương 5: Điều trị - Điều dưỡng

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được mục đích và chỉ định khi cho người bệnh thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, tiêm thuốc, truyền dịch và truyền máu.
2. Liệt kê được các phương pháp dùng thuốc, nguyên tắc, các tai biến và cách xử trí.
3. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật cho người bệnh thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, các phương pháp dùng thuốc, truyền dịch và truyền máu.

2. Nội dung

- 2.1. Oxy liệu pháp
 - 2.1.1. Mục đích, chỉ định.
 - 2.1.2. Nhận định người bệnh.
 - 2.1.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.1.4. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.2. Hút đờm nhớt
 - 2.2.1. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.2. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.3. Những nguyên tắc dùng thuốc, các phương pháp dùng thuốc, tiêm an toàn
 - 2.3.1. Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc
 - 2.3.2. Các phương pháp dùng thuốc.
 - 2.3.3. Mục đích, chỉ định.
 - 2.3.4. Chống chỉ định.
 - 2.3.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.3.6. Kỹ thuật tiến hành.

2.4. Tiêm truyền dung dịch, truyền máu

2.4.1. Những yêu cầu cần thiết khi truyền dịch, truyền máu

2.4.2. Mục đích, chỉ định.

2.4.3. Chống chỉ định.

2.4.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.4.5. Kỹ thuật tiến hành.

Chương 6: Sơ cấp cứu ban đầu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, xử trí và phòng ngừa các trường hợp: ngừng thở-ngừng tim.

2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật sơ cứu ngừng thở, ngừng tim đúng quy trình.

2. Nội dung

2.1. Cấp cứu hô hấp tuần hoàn

2.1.1. Nguyên nhân, mục đích.

2.1.2. Triệu chứng.

2.1.3. Kỹ thuật tiến hành.

2.1.4. Những điểm lưu ý.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.

2. Trang thiết bị: máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

+ Mô tả chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe.

+ Trình bày các nguyên tắc cơ bản của điều dưỡng, vai trò, chức năng của điều dưỡng.

- Kỹ năng

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.

+ Nhận định và đánh giá sức khỏe cho người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, slide. Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, ...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng, định hướng phát triển ngành điều dưỡng, quy trình điều dưỡng, kỹ thuật chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng cơ bản 1, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
2. Điều dưỡng cơ bản 2, Bộ Y tế, Đỗ Đình Xuân, Y học, 2007.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ bản của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện trong học kỳ II.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hiểu biết về nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng, khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân, biết các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.

2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.

3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.

4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.

6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.

7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.

8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân

9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.

10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

- Về kỹ năng:

Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Kỹ năng giao tiếp	17	4	13	
1.1	Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp	7	2	5	
1.2	Tư vấn giáo dục sức khỏe	10	2	8	
2	Chương 2: Tâm lý y học – Giáo dục sức khỏe	33	15	16	
2.1	Đại cương về tâm lý và tâm lý y học	2	2		
2.2	Nhân cách – nhu cầu – động cơ	3	2		1
2.3	Tâm lý người bệnh	2	2		
2.4	Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	18	5	12	1
2.5	Liệu pháp tâm lý	8	4	4	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.

2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.

3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.

4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

2. Nội dung

2.1. Khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành của người điều dưỡng.

2.2. Các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp không lời và có lời.

2.3. Vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong truyền thông.

2.4. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng cũng như các bước để thay đổi hành vi.

Chương 2: Tâm lý y học

Thời gian: 33 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
2. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
3. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
4. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
5. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
6. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
- 2.2. Bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
- 2.3. Nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
- 2.4. Khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
- 2.5. Các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: lý thuyết.

2. Trang thiết bị: máy chiếu, máy tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
 6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
 7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
 8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
 9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
 10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh
- **Về kỹ năng:** Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, ...

3. Những trọng tâm cần chú ý: kỹ năng giao tiếp và giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt, tâm lý người bệnh cần được điều dưỡng hiểu rõ để thực hiện đúng trong quy trình điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Mạn (2005), Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học
2. Vụ khoa học và đào tạo - Bộ Y tế (2013), Tâm lý học – Y học – Y đức, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Văn Nhận (2006), Tâm lý học Y học, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
4. Nguyễn Ngọc Lâm, Khoa học giao tiếp, Ban XB Đại học mở Bán công TP Hồ Chí Minh, 1998.

5. Bộ Y tế (1997), Các kỹ năng cơ bản của giáo dục y học, Vụ khoa học - Đào tạo.
6. Bộ Y tế (1996), Tài liệu giáo dục liên tục, Nhà xuất bản Y học, Vụ khoa học - Đào tạo.
7. Bộ Y tế (1993), Các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe.
8. Giáo trình môn học Giao tiếp và thực hành điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: SỨC KHỎE – TRUYỀN THÔNG GDSK

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện ở học kỳ III

2. Tính chất: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, phương pháp, phương tiện và các kỹ năng, các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Về Kiến thức

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
4. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.
5. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
6. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
7. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
8. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.
9. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

- Về kỹ năng

1. Xác định được các nhu cầu của công tác nâng cao sức khỏe và các vấn đề ưu tiên.
2. Phân tích các yếu tố tác động đến thay đổi hành vi sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Những nội dung cơ bản của nâng cao sức khỏe	16	7	8	1
1.1	Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	1	1		
1.2	Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2		
1.3	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	11	2	8	1
1.4	Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	2	2		
2	Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe	24	7	16	1
2.1	Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
2.2	Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe	6	2	4	
2.3	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	6	2	4	
2.4	Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	10	1	8	1
3	Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng	10	5	5	
3.1	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	5	3	2	
3.2	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	5	2	3	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.

2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.

3. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.
4. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
5. Mô tả được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe.
6. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về nâng cao sức khỏe

2.1.1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2.1.2. Các khái niệm giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe.

2.1.3. Các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.

2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi

2.3.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe.

2.3.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng.

2.3.3. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp.

2.4. Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe

2.4.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe

2.4.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
2. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
3. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
4. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

2.1.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

2.1.2. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

2.2. Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe

2.2.1. Phương pháp truyền thông.

2.2.2. Phương tiện truyền thông.

- 2.3. Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Các khâu cơ bản và quá trình truyền thông
 - 2.3.2. Các yêu cầu làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả.
 - 2.3.3. Các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện
- 2.3. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe
 - 2.3.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu.
 - 2.3.2. Các tiêu chuẩn của mục tiêu.
 - 2.3.3. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm cộng đồng và phát triển cộng đồng.
2. Trình bày được cách tiếp cận phát triển cộng đồng.
3. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

2. Nội dung

- 2.1. Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Các quan điểm định hướng phát triển cộng đồng.
 - 2.1.3. Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng.
 - 2.1.4. Các dạng hoạt động trong phát triển cộng đồng.
- 2.2. Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở
 - 2.2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học.
 - 2.2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Trình bày được các khái niệm, mục đích của sức khỏe và nâng cao sức khỏe.
- + Phân tích được các yếu tố quyết định sức khỏe.
- + Trình bày các mô hình nâng cao sức khỏe.
- + Nêu được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
- + Trình bày được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe.
- + Các bước thay đổi hành vi sức khỏe.

- Kỹ năng

- + Liệt kê được các vấn đề sức khỏe.
- + Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học xác định được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe; Vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hành vi sức khỏe, phân tích các vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2005), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

2. Bộ Y tế (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

3. Bộ Y tế (1998), Nâng cao Sức khỏe - Hướng dẫn thực hành, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

4. Bộ Y tế (2013), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

5. Giáo trình môn học Sức khỏe – Truyền thông giáo dục sức khỏe của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; THBV: 44 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK III.

2. **Tính chất:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách phát hiện, nguyên tắc xử trí, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các cấp cứu bệnh nhân thường gặp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được triệu chứng các bệnh cấp cứu thường gặp
2. Trình bày được xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu

- Về kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cần hồi sức cấp cứu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	6	6		
1.1	Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.2	Nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương	1	1		
1.3	Cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn	1	1		
1.4	Chăm sóc người bệnh thở máy	2	2		
2	Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh hô hấp	4	4		
2.1	Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp	2	2		
2.2	Chăm sóc người bệnh phù phổi	2	2		
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu tuần hoàn	10	9		1
3.1	Chăm sóc người bệnh sốc	2	2		
3.2	Chăm sóc người bệnh bị tai biến mạch máu não	2	2		
3.3	Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim cấp	3	3		
3.4	Chăm sóc người bệnh bị hôn mê	3	2		1
4	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu
2. Trình bày được nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương
3. Xử trí được cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn
4. Chăm sóc được người bệnh thở máy

2. Nội dung

2.1. Đánh giá và xử trí ban đầu bệnh nhân cấp cứu

2.1.1. Trình bày được kiểm soát bệnh nhân theo các bước ABC

2.1.2. Trình bày được các biện pháp theo dõi đánh giá, đảm bảo chức năng cơ bản và các biện pháp hồi sức khác

2.2. Nhận định và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương

2.2.1. Trình bày được những điểm quan trọng trong nhận định ban đầu bệnh nhân chấn thương

2.2.2. Trình bày được các bước đánh giá và xử trí cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương

2.2.3. Liệt kê được các biện pháp bổ sung khi nhận định và xử trí bệnh nhân chấn thương.

2.3. Cấp cứu bệnh nhân ngừng tuần hoàn

2.3.1. Trình bày được chẩn đoán và một số nguyên nhân thường gặp gây ngừng tuần hoàn

2.3.2. Trình bày được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn

2.3.3. Trình bày được chăm sóc sau cấp cứu tuần hoàn

2.4. Chăm sóc người bệnh thở máy

2.4.1. Đại cương về máy thở

2.4.2. Lợi ích của sử dụng máy thở

2.4.3. Biến chứng có thể xảy ra khi thở máy

2.4.4. Cách xử trí biến chứng có thể xảy ra khi thở máy

2.4.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thở máy

Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh hô hấp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng các bệnh cấp cứu hô hấp thường gặp

2. Trình bày được cách xử trí ban đầu các bệnh cấp cứu hô hấp thường gặp.

3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh cấp cứu hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Cách xử trí

2.1.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.

- 2.2. Chăm sóc người bệnh phù phổi
- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Nguyên nhân
- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.4. Cách xử trí
- 2.2.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh phù phổi

Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu tuần hoàn

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.
2. Trình bày được phương pháp xử trí và điều trị sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốc, tai biến mạch máu não, hôn mê, nhồi máu cơ tim cấp.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc bệnh nhân sốc
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Xử trí sốc
 - 2.1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh sốc
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân bị tai biến mạch máu não
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng
 - 2.2.4. Xử trí
 - 2.2.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị tai biến mạch máu não
- 2.3. Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng
 - 2.3.4. Xử trí nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.3.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim cấp
- 2.4. Chăm sóc người bệnh bị hôn mê

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Nguyên nhân
- 2.4.3. Triệu chứng
- 2.4.4. Xử trí người bệnh bị hôn mê
- 2.4.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh hôn mê

2. Chỉ tiêu thực tập khoa cấp cứu – hồi sức tích cực chống độc

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da	5	10
2	Tiêm tĩnh, truyền dịch, truyền máu	5	10
3	Lấy dấu sinh hiệu	5	10
4	Đặt sonde dạ dày	2	2
5	Thông tiểu	2	2
6	Lấy máu xét nghiệm	2	2
7	Cho bệnh nhân thở ôxy	2	2
8	Thụt tháo cho bệnh nhân	2	2
9	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi.	2	2
10	Đo điện tim	2	2
11	Lấy máu xét nghiệm	5	2
12	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	2	1
13	Theo dõi bệnh nhân qua monitor	2	1
14	Lập quy trình chăm sóc người bệnh bị ngộ độc cấp	1	1
15	Lập quy trình chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp	1	1
16	Lập quy trình chăm sóc người bệnh bị hôn mê	1	1
17	Lập quy trình chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não	1	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng các bệnh cấp cứu thường gặp
2. Trình bày được cách xử trí ban đầu các bệnh cấp cứu thường gặp
3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng ngộ độc
4. Trình bày được các nguyên tắc xử trí ngộ độc

- Kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cần hồi sức cấp cứu.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện thái độ thận trọng, chính xác, nhẹ nhàng và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường, bệnh viện.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: : Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, Slide; Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hồi sức cấp cứu và kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
2. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
4. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
5. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
6. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
7. Giáo trình môn học Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; THBV: 44 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện ở HK III

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi, đặc biệt là sinh lý của sự lão hóa các cơ quan, suy giảm chức năng, bộ phận trong cơ thể theo từng giai đoạn; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp. Giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.
2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.
2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Sinh lý của sự lão hóa	5	5		
1.1	Đại cương về lão khoa	2	2		
1.2	Sức khỏe và những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý liên quan đến người cao tuổi.	1	1		
1.3	Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi	2	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2	Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp	15	14		1
2.1	Chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não	3	3		
2.2	Loãng xương ở người cao tuổi và biện pháp phòng chống	3	3		
2.3	Hội chứng loạn dưỡng SUDECK	3	3		
2.4	Sa sút trí tuệ ở người cao ở người cao tuổi	3	3		
2.5	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh Parkinson	3	2		1
3	Thực tập bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phản lý thuyết

Chương 1: Sinh lý của sự lão hóa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày quá trình lão hóa
2. Trình bày điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi
3. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện và cách xử trí rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi
4. Trình bày những lợi ích và cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về lão khoa
 - 2.1.1. Nêu được quá trình phát triển của con người
 - 2.1.2. Trình bày quá trình lão hóa
- 2.2. Sức khỏe và những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý liên quan đến người cao tuổi.
 - 2.2.1. Lão hóa cấu trúc và chức năng các hệ cơ quan ảnh hưởng chẩn đoán và điều trị

2.2.2. Điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi

2.2.3. Biểu hiện bệnh khác biệt ở người bệnh cao tuổi

2.3. Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi

2.3.1. Nguyên nhân, biểu hiện các rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi

2.3.2. Cách xử trí rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi

Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

2. Trình bày phương pháp điều trị và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

3. Trình bày được nguyên tắc dự phòng sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

4. Trình bày phương pháp phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não

2.1.1. Nguyên nhân của bệnh thiếu năng tuần hoàn não

2.1.2. Dấu hiệu nhận biết của bệnh thiếu năng tuần hoàn não

2.1.3. Điều trị và chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não

2.1.4. Trình bày được nguyên tắc dự phòng bệnh

2.2. Loãng xương ở người cao tuổi và biện pháp phòng chống

2.2.1. Sơ lược về cấu trúc, quá trình tạo – hủy xương và cơ chế bệnh sinh của loãng xương

2.2.2. Chẩn đoán loãng xương nguyên phát

2.2.3. Điều trị loãng xương nguyên phát

2.2.4. Dự phòng loãng xương nguyên phát

2.3. Hội chứng loạn dưỡng SUDECK

2.3.1. Khái niệm hội chứng loạn dưỡng sudeck

2.3.2. Nguyên nhân của hội chứng loạn dưỡng sudeck

2.3.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng loạn dưỡng sudeck

2.3.4. Điều trị của hội chứng loạn dưỡng sudeck

2.4. Sa sút trí tuệ ở người cao ở người cao tuổi

2.4.1. Khái niệm bệnh Alzheimer

- 2.4.2. Biểu hiện sớm của bệnh Alzheimer
- 2.4.3. Các giai đoạn tiến triển của bệnh Alzheimer
- 2.4.4. Chẩn đoán bệnh Alzheimer
- 2.4.5. Cách phân loại bệnh nhân Alzheimer
- 2.4.6. Cách điều trị bệnh nhân Alzheimer
- 2.5. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh Parkinson
- 2.5.1. Nguyên nhân, triệu chứng bệnh nhân Parkinson
- 2.5.2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Parkinson
- 2.5.3. Phục hồi chức năng bệnh nhân Parkinson

Phần Thực tập bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cao tuổi
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
1	Tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da	5	10
2	Tiêm tĩnh, truyền dịch, truyền máu	5	10
3	Đo mạch, nhiệt độ, huyết áp kẻ bảng	5	10
4	Đặt sonde dạ dày, sonde bàng quang	2	2
5	Lấy máu xét nghiệm	2	2
6	Cho bệnh nhân thở o xy	2	2
7	Thụt tháo cho bệnh nhân	2	2
8	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi,	2	2
9	Đo điện tim	2	2
10	Đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm	5	2
11	Lập quy trình chăm sóc người bệnh thiếu năng tuần hoàn não	2	2
12	Lập quy trình chăm sóc người bệnh loãng xương	2	2

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Tự làm
13	Lập quy trình chăm sóc người bệnh rối loạn giấc ngủ	2	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. **Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.
2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.
2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.
2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực; Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Khoa cấp cứu hồi

sức của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về chăm sóc người bệnh cao tuổi ; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng nội, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
3. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
5. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa tim mạch, máu thường gặp.

2. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện thái độ ân cần, thân thiện khi chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương tim mạch	15	14		1
1.1	Khám lâm sàng hệ tim mạch	2	2		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	2	2		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân suy tim	2	2		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân đau thắt ngực	2	2		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2	2		
1.6	Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim	2	2		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.7	Chăm sóc bệnh nhân bệnh van tim	3	2		1
2	Chương máu	5	5		
2.1	Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	2	2		
2.1	Chăm sóc bệnh nhân Leucemie	2	2		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân có rối loạn nước và điện giải	1	1		
3	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Chương tim mạch

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

1 Trình bày và phân tích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị cơn đau thắt ngực.

2 Lập được KHCS bệnh nhân mắc bệnh bạch cầu ác tính.

3 Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị nhồi máu cơ tim.

4 Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, mức độ và nguyên tắc điều trị suy tim.

5 Lập KHCS bệnh nhân suy tim.

6 Trình bày và giải thích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị tai biến mạch máu não.

2. Nội dung

2.1 Khám lâm sàng hệ tim mạch

2.2 Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp

2.3 Chăm sóc bệnh nhân suy tim

2.4 Chăm sóc bệnh nhân đau thắt ngực

2.5 Chăm sóc bệnh nhân viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn

2.6 Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim

2.7 Chăm sóc bệnh nhân bệnh van tim

Chương máu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng của thiếu máu.
- 2 Lập được KHCS bệnh nhân thiếu máu.
- 3 Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị tăng huyết áp.
- 4 Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp.

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu
- 2.2 Chăm sóc bệnh nhân Leucemie
- 2.3 Chăm sóc bệnh nhân có rối loạn nước và điện giải

Thực tập bệnh viện.

Thời gian: 45 giờ

1. Mục tiêu

- Kỹ năng

- 1 Thăm khám, nhận định và phát hiện kịp thời tình trạng bất thường của người bệnh khoa nội tim mạch
- 2 So sánh lý thuyết và lâm sàng về cơ chế bệnh sinh, lâm sàng và cận lâm sàng trên các bệnh được phân công
- 3 Theo dõi, phát hiện và can thiệp điều dưỡng những biến chứng ở những người bệnh nằm lưu tại khoa nội tim mạch
- 4 Theo dõi và chăm sóc toàn diện người bệnh theo chuyên khoa nội tim mạch
- 5 Thực hiện đầy đủ quy trình chăm sóc người bệnh được phân công.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng chính xác.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu
1	Nhận định tình trạng người bệnh tim mạch	10
2	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa	3
3	Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa	3
4	Vận chuyển người bệnh	5
5	Thông tiểu nam, nữ	1
6	Cho người bệnh ăn qua sonde	3

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu
7	Chăm sóc người bệnh thở máy	1
8	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng tim	1
9	Vệ sinh cá nhân cho người bệnh	5
10	Phụ giúp bác sĩ làm điện tâm đồ	2
11	Truyền máu	1
12	Cho người bệnh thở oxy qua nội khí quản và ống mở khí quản	1
13	Hút đàm nhớt thông thường	3
14	Hút đàm nhớt qua ống nội khí quản và ống mở khí quản	1
15	Phòng chống và chăm sóc loét mục	2
16	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nội khoa	3
17	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của họ	3
18	Tiêm truyền dung dịch	5
19	Tiêm thuốc (tĩnh mạch - tiêm dưới da - tiêm bắp - tiêm trong da)	20
20	Lấy máu xét nghiệm	5
21	Lấy dấu sinh hiệu	15

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Kiến thức: Trình bày được nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội khoa tim mạch, máu.

Kỹ năng

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa tim mạch, máu thường gặp.

2. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện thái độ ân cần, thân thiện khi chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực;

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

Thực hành bệnh viện

- Sinh viên thực tập tại Khoa Nội tim mạch của Bệnh viện tỉnh.

- Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về nhu cầu về bệnh nội khoa nâng cao; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

2. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Bệnh học Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

3. Đại học Y Hà Nội bộ môn nội. (2007). Điều trị học Nội khoa, tập I, II. Nhà xuất bản y học.

4. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Triệu chứng học Nội khoa. Nhà xuất bản y học.

5. Đặng Vạn Phước và Châu Ngọc Hoa. (2009). Bệnh học nội khoa. Nhà Xuất Bản Y Học.

6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành/Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện học kỳ II.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nhận định sức khỏe bệnh nhân; chuẩn bị trước mổ ngoại niệu; sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ; chức năng Điều dưỡng phòng phẫu thuật; chăm sóc và theo dõi sau mổ; hồi sức và phòng ổn định tại khoa ngoại niệu; chăm sóc các loại vết thương: vô trùng, sạch, nhiễm, dẫn lưu; lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục y tế cho bệnh nhân và thân nhân.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.

2. Nắm vững các quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ.

- Kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp

2. Thực hiện qui trình chăm sóc các bệnh ngoại niệu trước và sau mổ

3. Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng sau mổ

4. Sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ

5. Thực hiện đầy đủ chức năng Điều dưỡng phòng phẫu thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc hệ tiết niệu	12	11		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.1	Thăm dò chức năng hệ tiết niệu	2	2		
1.2	Chăm sóc người bệnh mổ sỏi tiết niệu	4	4		
1.3	Chăm sóc người bệnh mổ u xơ tiền liệt tuyến	2	2		
1.4	Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, niệu đạo	4	3		1
2	Chương 2: Phòng phẫu thuật và vấn đề liên quan	8	8		
2.1	Giới thiệu khu phẫu thuật, chức năng, nhiệm vụ Điều dưỡng trong phòng mổ	2	2		
2.2	Gây tê - gây mê và chăm sóc	2	2		
2.3	Các loại chỉ và công dụng trong phẫu thuật	2	2		
2.4	Bảo quản dụng cụ phòng phẫu thuật	2	2		
3	Chương 3: Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phân lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc hệ tiết niệu

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.
2. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp.
3. Chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật hệ tiết niệu.

2. Nội dung

- 2.1. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.

2.2. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp.

2.3. Chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật hệ tiết niệu.

Chương 2: Phòng phẫu thuật và những vấn đề liên quan Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật.
2. Trình bày mục đích của tiền mê, nguyên tắc dùng thuốc tiền mê, kể được các loại thuốc mê, các loại chỉ đang sử dụng.
3. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi người bệnh trước, trong và sau khi gây mê.
4. Trình bày được các yêu cầu và nguyên tắc chung của phòng phẫu thuật.

2. Nội dung

- 1.1. Chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật.
- 1.2. Mục đích của tiền mê, nguyên tắc dùng thuốc tiền mê, kể được các loại thuốc mê, các loại chỉ đang sử dụng.
- 1.3. Lập quy trình chăm sóc và theo dõi người bệnh trước, trong và sau khi gây mê.
- 1.4. Các yêu cầu và nguyên tắc chung của phòng phẫu thuật.

Phần Thực tập bệnh viện

Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Nhận định triệu chứng, thực hành bệnh viện một số người bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh ngoại khoa.
5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện (ngoại niệu)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Chăm sóc bệnh nhân tiền phẫu	2
2	Tiếp nhận, thăm khám sức khỏe bệnh nhân	5
3	Thay băng vết thương vô trùng	3
4	Thay băng vết thương sạch	10

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
5	Thay băng vết thương nhiễm	5
6	Chăm sóc các loại dẫn lưu hệ niệu	5
7	Rút các loại ống dẫn lưu hệ niệu.	5
8	Rửa bàng quang	1
9	CSNB sau mổ sỏi tiết niệu	2
10	CSNB sau mổ u xơ tiền liệt tuyến	2
11	CSNB chấn thương thận	2
12	CSNB chấn thương dập rách niệu đạo	2

Chỉ tiêu thực tập bệnh viện (phòng mổ)

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Rửa da trước mổ	5
2	Chuẩn bị tư thế phẫu thuật	5
3	Vận chuyển bệnh nhân lên xuống bàn phẫu thuật	5
4	Rửa tay ngoại khoa, mặc - cởi áo choàng, mang - tháo găng	5
5	Chuẩn bị dụng cụ tiệt khuẩn	1
6	Điều dưỡng vòng trong	5
7	Điều dưỡng vòng ngoài	5

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng ngoại .
- 2. Trang bị:** máy chiếu, mô hình, dụng cụ thực hành.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh ngoại niệu.
- + Nắm vững các quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ.

- Kỹ năng:

- + Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh ngoại niệu thường gặp
- + Thực hiện qui trình chăm sóc các bệnh ngoại niệu trước và sau mổ
- + Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng sau mổ
- + Sử dụng các y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ
- + Thực hiện đầy đủ chức năng Điều dưỡng phòng phẫu thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

Thực tập bệnh viện

1. Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Nhận định triệu chứng Thực hành bệnh viện một số người bệnh ngoại khoa thường gặp.
3. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.
4. Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh ngoại khoa.
5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực tập bệnh viện:

Sinh viên thực tập tại các Khoa ngoại niệu, phòng mổ của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc ngoại khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng phòng phẫu thuật. Các loại thuốc gây mê và chăm sóc, các loại chỉ dùm trong phẫu thuật, bảo quản dụng cụ phòng phẫu thuật

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
2. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
3. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
4. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
5. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
6. Bài giảng bệnh học ngoại khoa,. NXB Y học, 2001.
7. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
8. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; THBV: 44 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện ở HK III.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; thực hiện được các kỹ thuật điều chăm sóc sức khỏe của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Nhận định tình trạng sức khỏe của trẻ.
2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện quy trình điều dưỡng một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
2. Tích cực giáo dục thân nhân bệnh nhi cách nuôi dưỡng, chăm sóc và theo dõi một số bệnh thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện năng lực thực hành, quản lý chăm sóc và phát triển nghề, hành nghề theo luật pháp và đạo đức điều dưỡng khi chăm sóc trẻ em bị bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Nhi khoa đại cương	4	4		
1.1	Các thời kỳ tuổi trẻ, phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ	1	1		
1.2	Chăm sóc sức khỏe ban đầu của trẻ	1	1		
1.3	Sử dụng thuốc cho trẻ	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.4	Tiêm chủng mở rộng	1	1		
2	Chương 2: Sơ sinh	4	4		
2.1	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng	2	2		
2.2	Vàng da sơ sinh, nhiễm khuẩn sơ sinh	2	2		
3	Chương 3: Dinh dưỡng - Tiêu hóa	4	4		
3.1	Nuôi dưỡng trẻ em	1	1		
3.2	Hội chứng nôn trớ và táo bón	1	1		
3.3	Tiêu chảy cấp và chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy	2	2		
4	Chương 4: Hô hấp - Huyết học - Tiết niệu - Thần kinh	8	7		
4.1	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp ARI	2	2		
4.2	Bệnh thiếu máu trẻ em	1	1		
4.3	Trẻ viêm cầu thận cấp	1	1		
4.4	Trẻ hội chứng thận hư	1	1		
4.5	Hội chứng co giật	1	1		
4.6	Xuất huyết não - màng não	2	1		1
5	Thực hành bệnh viện	45		44	1
Tổng cộng		65	19	44	2

2. Nội dung chi tiết

Phản lý thuyết

Chương 1: Nhi khoa đại cương

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý của từng thời kỳ tuổi trẻ.
- 2 Trình bày được sự phát triển thể chất, tâm thần và vận động của trẻ em.
- 3 Nêu được định nghĩa sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- 4 Trình bày được nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- 5 Nêu được các nguyên tắc chung và cách dùng thuốc cho trẻ em.
- 6 Phân tích được ưu, nhược điểm của các đường đưa thuốc vào cơ thể.
- 7 Trình bày được mục tiêu và ý nghĩa của tiêm chủng.
- 8 Phát hiện và xử trí các tai biến và phản ứng sau khi tiêm chủng.

2. Nội dung

- 2.1 Các thời kỳ tuổi trẻ, phát triển thể chất, tinh thần vận động của trẻ
 - 2.1.1 Các thời kỳ tuổi trẻ: tử cung, sơ sinh, bú mẹ, răng sữa, thiếu niên, dậy thì.
 - 2.1.2 Sự phát triển về cân nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay.
 - 2.1.3 Biểu đồ tăng trưởng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em.
 - 2.1.4 Phát triển về tâm thần và vận động của trẻ sơ sinh đến 15 tuổi.
- 2.2 Chăm sóc sức khỏe ban đầu của trẻ
 - 2.2.1 Khái niệm về chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - 2.2.2 Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu, nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- 2.3 Sử dụng thuốc cho trẻ
 - 2.3.1 Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của cơ thể trẻ em liên quan đến việc sử dụng thuốc.
 - 2.3.2 Các nguyên tắc chung về dùng thuốc.
 - 2.3.3 Cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em.
 - 2.3.4 Đường đưa thuốc vào cơ thể.
 - 2.3.5 Một số thuốc không nên dùng hoặc phải thận trọng khi dùng cho trẻ em.
 - 2.3.6 Tương tác và tương kỵ giữa các loại thuốc.
- 2.4 Tiêm chủng mở rộng
 - 2.4.1 Mục tiêu và ý nghĩa của tiêm chủng.
 - 2.4.2 Lịch tiêm chủng do chương trình tiêm chủng mở rộng đề ra.
 - 2.4.3 Thực hiện tiêm chủng
 - 2.4.4 Tai biến và các phản ứng phụ có thể xảy ra sau tiêm chủng.

Chương 2: Sơ sinh

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Trình bày được đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng.
- 2 Nêu được đặc điểm sinh lý bệnh, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn cho trẻ sơ sinh .
- 3 Trình bày được biểu hiện lâm sàng của các bệnh nhiễm khuẩn nặng và nhiễm khuẩn tại chỗ.
- 4 Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, vàng da, nhiễm khuẩn sơ sinh.

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng
 - 2.1.1 Trẻ sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh.
 - 2.1.2 Trẻ sơ sinh thiếu tháng.
- 2.2 Vàng da sơ sinh, nhiễm khuẩn sơ sinh
 - 2.2.1 Đặc điểm sinh lý bệnh vàng da, nhiễm khuẩn sơ sinh.
 - 2.2.2 Nguyên nhân gây bệnh và các yếu tố nguy cơ liên quan đến nhiễm khuẩn.
 - 2.2.3 Các bệnh nhiễm khuẩn nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, bệnh uốn ván rốn.
 - 2.2.4 Lập kế hoạch chăm sóc.

Chương 3: Dinh dưỡng - Tiêu hóa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1 Nêu được định nghĩa bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn bổ sung.
- 2 Phân tích được những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
- 3 Hướng dẫn được cho các bà mẹ cách cho trẻ bú, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn bổ sung.
- 4 Nêu được nội dung của chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy.
- 5 Nêu được định nghĩa và nguyên nhân tiêu chảy, nôn, táo bón.
- 6 Phát hiện được các dấu hiệu mất nước trên lâm sàng và đánh giá được các mức độ mất nước.

2. Nội dung

- 2.1 Nuôi dưỡng trẻ em
 - 2.1.1 Nuôi con bằng sữa mẹ.
 - 2.1.2 Ăn nhân tạo.
 - 2.1.3 Ăn hỗn hợp.
 - 2.1.4 Ăn bổ sung.
- 2.2 Hội chứng nôn trớ và táo bón
 - 2.2.1 Trẻ nôn trớ: nguyên nhân, điều trị.
 - 2.2.2 Trẻ táo bón: sinh lý thải phân, nguyên nhân, điều trị.

2.3 Tiêu chảy cấp và chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy

2.3.1 Giới thiệu chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy (CDD)

2.3.2 Nội dung của CDD.

2.3.3 Quản lý CDD.

2.3.4 Các biện pháp của CDD.

2.3.5 Bệnh tiêu chảy cấp: Định nghĩa, nguyên nhân, sinh lý bệnh, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, phòng bệnh.

Chương 4: Hô hấp - Huyết học - Tiết niệu - Thần kinh Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1 Trình bày được tầm quan trọng và mục tiêu chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

2 Phân loại và xử trí được nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em theo phác đồ của tổ chức y tế thế giới.

3 Nêu được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

4 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

5 Nêu được cách phòng bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, thiếu máu, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật, xuất huyết não - màng não ở trẻ em.

2. Nội dung

2.1 Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp ARI

2.1.1 Tầm quan trọng của nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và mục tiêu của chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI).

2.1.2 Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ.

2.1.3 Phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

2.1.4 Các dấu hiệu lâm sàng.

2.1.5 Phác đồ xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.

2.1.6 Xử trí cụ thể.

2.1.7 Phòng bệnh.

2.2 Bệnh thiếu máu trẻ em

2.2.1 Đại cương.

2.2.2 Nguyên nhân.

2.2.3 Triệu chứng.

- 2.2.4 Phòng bệnh.
- 2.3 Trẻ viêm cầu thận cấp
 - 2.3.1 Khái niệm.
 - 2.3.2 Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh.
 - 2.3.3 Triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm.
 - 2.3.4 Giáo dục sức khỏe.
- 2.4 Trẻ hội chứng thận hư
 - 2.4.1 Định nghĩa.
 - 2.4.2 Phân loại.
 - 2.4.3 Biểu hiện lâm sàng.
 - 2.4.4 Biến chứng, tiến triển tiên lượng.
 - 2.4.5 Điều trị.
- 2.5 Hội chứng co giật
 - 2.5.1 Nguyên nhân gây co giật ở trẻ em.
 - 2.5.2 Phân loại co giật ở trẻ em.
 - 2.5.3 Đặc điểm lâm sàng một số trường hợp co giật.
- 2.6 Xuất huyết não - màng não
 - 2.6.1 Nguyên nhân.
 - 2.6.2 Triệu chứng lâm sàng.

Phần Thực hành bệnh viện Thời gian: 45 giờ

Mục tiêu

1. Phát hiện được nguyên nhân, triệu chứng, nắm vững phương pháp điều trị, thực hiện chăm sóc và phòng các bệnh hay gặp ở trẻ em.
2. Thực hiện được việc tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho các bà mẹ và cộng đồng những kiến thức nuôi con có khoa học.
3. Thực hiện được một số nhiệm vụ cơ bản của người điều dưỡng tại các khoa phòng thực tập.

Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận trẻ đến khám bệnh và vào khoa	4
2	Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh nhi thường gặp tại khoa	4
3	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc các bệnh nhi thường gặp	4

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
4	Thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ mắc các bệnh nhi thường gặp	4
5	Đo và theo dõi dấu sinh hiệu: mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	8
6	Tắm trẻ - lau mát hạ sốt	2
7	Chăm sóc răng miệng	4
8	Cho trẻ uống thuốc	8
9	Tiêm thuốc	8
10	Truyền dịch	1
11	Cho thở oxy: canula, mask	1
12	Đặt sonde mũi, dạ dày	2
13	Cho trẻ ăn qua sonde	1
14	Thay băng	8
15	Cắt chỉ	2
16	Rút dẫn lưu	2
17	Chăm sóc hậu môn nhân tạo	4
18	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm	2
19	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nhi khoa	2
20	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	2
21	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và thân nhân trẻ	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, Khoa Nhi của Bệnh viện tỉnh.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định tình trạng sức khỏe của trẻ.
2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Kỹ năng

1. Thực hiện quy trình điều dưỡng một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
2. Tích cực giáo dục thân nhân bệnh nhi cách nuôi dưỡng, chăm sóc và theo dõi một số bệnh thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện năng lực thực hành, quản lý chăm sóc và phát triển nghề, hành nghề theo luật pháp và đạo đức điều dưỡng khi chăm sóc cho trẻ em bị bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Nhi của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nhi khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, trả lời câu hỏi, thực hành.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về đặc điểm giải phẫu sinh lý và sự phát triển cơ thể trẻ em; kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ em bị bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
2. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
3. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

4. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
5. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
6. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
7. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.
8. Donna L. Wong, Marrison Hockenry - Eaton. (2001). Wrong's Essentials of Pediatric Nursing. Mosby.
9. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). Cấp cứu - hồi sức nhi.
10. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
11. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em (1996). UNICEF.
12. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: CHĂM SÓC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 65 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; THBV: 44 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện học kỳ III.

2. **Tính chất:** Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Kỹ thuật VLTL/PHCN có các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng; Nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh.
3. Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

- Kỹ năng

1. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.
2. Thành thạo trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Dịch tễ học	8	8		
1	Dịch tễ học đại cương	1	1		
2	Giám sát dịch tễ học	1	1		
3	Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm	1	1		
4	Quá trình dịch	1	1		
5	Phân loại bệnh truyền nhiễm	1	1		
6	Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học	1	1		
7	Cảm nhiễm và miễn dịch	1	1		
8	Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	1	1		
	Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm	12	11		1
9	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	1	1		
10	Bệnh thương hàn và chăm sóc	1	1		
11	Bệnh ly trực khuẩn, amíp và chăm sóc	2	1		1
12	Bệnh tả và chăm sóc				
13	Viêm màng não mủ và chăm sóc	1	1		
14	Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván	1	1		
15	Quai bị và chăm sóc	1	1		
16	Viêm gan virus và chăm sóc	1	1		
17	Dengue xuất huyết và chăm sóc	1	1		
18	Nhiễm Leptospira và chăm sóc	1	1		
19	Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
20	Sốt rét và chăm sóc	1	1		
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Dịch tễ học

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm, nội, phương pháp và giám sát về dịch tễ học
2. Trình bày được các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm, quá trình dịch
3. Trình bày được cách phân loại bệnh truyền nhiễm, các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
4. Nêu được cảm nhiễm và miễn dịch, phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa về dịch tễ học
 - 2.1.2. Lịch sử ngành dịch tễ học
 - 2.1.3. Phân loại các nghiên cứu dịch tễ học
- 2.2. Giám sát dịch tễ học
 - 2.2.1. Định nghĩa giám sát
 - 2.2.2. Phân loại giám sát
 - 2.2.3. Tầm quan trọng giám sát
 - 2.2.4. các bước thiết lập hệ thống giám sát
 - 2.2.5. Hệ thống báo cáo, qui định báo cáo
- 2.3. Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm
 - 2.3.1. Khái niệm bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.3. Các giai đoạn bệnh truyền nhiễm (thời kỳ nung bệnh, thời kỳ khởi phát, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lui bệnh, thời kỳ phục hồi).
 - 2.3.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.5. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị
- 2.4. Quá trình dịch

- 2.4.1. Định nghĩa quá trình dịch
- 2.4.2. Các yếu tố liên quan đến quá trình dịch
- 2.4.3. Các hình thái và mức độ dịch
- 2.4.4. Các biện pháp phòng chống dịch
- 2.5. Phân loại bệnh truyền nhiễm
- 2.5.1. phân loại theo cơ chế truyền nhiễm
- 2.5.2. Phân loại theo bệnh căn
- 2.5.3. Phân loại theo triệu chứng bệnh lý
- 2.6. Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
- 2.6.1. Thế nào là yếu tố tác hại nghề nghiệp?
- 2.6.2. Phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp
- 2.6.3. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến công nghệ sản xuất
- 2.6.4. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tổ chức lao động
- 2.6.5. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến điều kiện vệ sinh nơi làm việc
- 2.6.6. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tâm sinh lý người lao động
- 2.7. Cảm nhiễm và miễn dịch
- 2.7.1. Nguồn truyền nhiễm
- 2.7. 2. Đường lây truyền
- 2.7. 3. Ký chủ
- 2.7.4. Khái niệm về miễn dịch
- 2.7.5. Phân loại miễn dịch
- 2.7.6. Kháng nguyên, kháng thể, bỏ thể
- 2.7. 7. Các phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể
- 2.7. 8. Hiện tượng dị ứng và mẫn cảm
- 2.8. Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh
- 2.8.1. Nguyên tắc chung
- 2.8.2. Biện pháp chung
- 2.8.3. Biện pháp cụ thể

Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại bệnh truyền nhiễm
2. Trình bày được, dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý, lâm

3. sàng, chẩn đoán, điều trị - Dự phòng, chăm sóc bệnh thương hàn, ly trực khuẩn, amíp, bệnh tả, viêm màng não mủ, uốn ván, quai bị, viêm gan virus, sốt xuất huyết, Leptospira, HIV-AIDS, sốt rét.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm
 - 2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học.
 - 2.1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu.
 - 2.1.3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
 - 2.1.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm.
 - 2.1.5. Một vài quan niệm khác.
 - 2.1.6. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị.
- 2.2. Bệnh thương hàn và chăm sóc
 - 2.2.1. Dịch tễ học
 - 2.2.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.2.3. Lâm sàng
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.2.6. Chăm sóc.
- 2.3. Bệnh ly trực khuẩn, amíp và chăm sóc
 - 2.3.1. Dịch tễ học
 - 2.3.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.3. 3. Lâm sàng
 - 2.3. 4. Chẩn đoán
 - 2.3. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.3. 6. Chăm sóc.
- 2.4. Bệnh tả và chăm sóc
 - 2.4.1. Dịch tễ học
 - 2.4.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.4. 3. Lâm sàng
 - 2.4. 4. Chẩn đoán
 - 2.4. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.4. 6. Chăm sóc.
- 2.5. Viêm màng não mủ và chăm sóc
 - 2.5.1. Dịch tễ học

- 2.5.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.5. 3. Lâm sàng
- 2.5. 4. Chẩn đoán
- 2.5. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.5. 6. Chăm sóc.
- 2.6. Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván
- 2.6.1. Dịch tễ học
- 2.6.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.6. 3. Lâm sàng
- 2.6. 4. Chẩn đoán
- 2.6. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.6. 6. Chăm sóc.
- 2.7. Quai bị và chăm sóc
- 2.7.1. Dịch tễ học
- 2.7.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.7. 3. Lâm sàng
- 2.7. 4. Chẩn đoán
- 2.7. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.7. 6. Chăm sóc.
- 2.8. Viêm gan virus và chăm sóc
- 2.8.1. Dịch tễ học
- 2.8.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.8. 3. Lâm sàng
- 2.8. 4. Chẩn đoán
- 2.8. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.8. 6. Chăm sóc.
- 2.9. Dengue xuất huyết và chăm sóc
- 2.9.1. Dịch tễ học
- 2.9.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.9. 3. Lâm sàng
- 2.9. 4. Chẩn đoán
- 2.9. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.9. 6. Chăm sóc.

- 2.10. Nhiễm Leptospira và chăm sóc
 - 2.10.1. Dịch tễ học
 - 2.10.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.10. 3. Lâm sàng
 - 2.10. 4. Chẩn đoán
 - 2.10. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.10. 6. Chăm sóc.
- 2.11. Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc
 - 2.11.1. Dịch tễ học
 - 2.11.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.11. 3. Lâm sàng
 - 2.11. 4. Chẩn đoán
 - 2.11. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.11. 6. Chăm sóc.
- 2.12. Sốt rét và chăm sóc
 - 2.12.1. Dịch tễ học
 - 2.12.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.12. 3. Lâm sàng
 - 2.12. 4. Chẩn đoán
 - 2.12. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.12. 6. Chăm sóc.

IV. Phần thực hành bệnh viện:

4.1. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
2. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền, triệu chứng học và biến chứng của một số bệnh nhiễm thường gặp

- Về kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan
2. Lập và thực hiện quy trình chăm sóc các bệnh nhiễm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tích cực giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người thân về biện pháp chữa bệnh và phòng bệnh

4.2. Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận người đến khám bệnh và vào khoa truyền nhiễm điều trị	16
2	Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá, hô hấp, đường máu	16
3	Lập và thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	16
4	Đo, theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	30
5	Tiêm bắp, tĩnh mạch	16
6	Tiêm SAT	4
7	Truyền dịch	4
8	Vận chuyển người bệnh truyền nhiễm	8
9	Gội đầu, tắm, vệ sinh răng miệng cho người bệnh	4
10	Đặt Sonde dạ dày và cho người bệnh ăn bằng sonde	2
11	Hút đờm, rãi cho người bệnh	1
12	Cho người bệnh thở Oxy	1
13	Lấy máu làm xét nghiệm bệnh truyền nhiễm	2
14	Lấy phân, nước tiểu làm xét nghiệm bệnh truyền nhiễm	2
15	Phòng trống và chăm sóc vết loét	2
16	Thay băng cho bệnh nhân truyền nhiễm	2
17	Phụ giúp Bác sỹ chọc dò não tuỷ, màng phổi	2
18	Phụ giúp Bác sỹ làm điện tâm đồ	1
19	Quản lý chất thải người bệnh	2
20	Chăm sóc người bệnh mở khí quản	1
21	Chăm sóc người bệnh đặt nội khí quản	1
22	Chăm sóc người bệnh thở máy	2

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện
23	Cách ly và phòng chống lây nhiễm trong chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	8
24	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	8
25	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm và gia đình của họ.	10

V. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học chuyên môn:** Lý thuyết học trên hội trường.
2. **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu projector, máy tính cá nhân, hình ảnh
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).
5. **Thực hành Bệnh viện:** tại Khoa truyền nhiễm bệnh viện Đa khoa tỉnh

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VII. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. **Phạm vi áp dụng môn học:** Môn học bổ trợ.
2. **Phương pháp giảng dạy:**
 - Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
 - Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập
3. **Những trọng tâm cần chú ý:** Không

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học, 2005.
2. Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2004.

3. Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.

4. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học đại cương. Nhà xuất bản Y học, 1993.

5. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học y học. Nhà xuất bản Y học, 1993.

6. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Thực hành Dịch tễ học. Tái bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Y học, 1996.

7. Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

8. Giáo trình môn học Chăm sóc các bệnh truyền nhiễm của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK III.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tâm thần, các liệu pháp tâm lý, ứng dụng liệu pháp tâm lý trong chăm sóc người bệnh; Đặc điểm lâm sàng và hậu quả của các vấn đề về sức khỏe tâm thần; Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (xây dựng quy trình điều dưỡng và thực hành chăm sóc người bệnh).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng thần kinh - tâm thần.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được xây dựng quy trình điều dưỡng - theo dõi người bệnh thần kinh- tâm thần.

2. Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý với bệnh nhân tâm thần.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Đại cương về bệnh tâm thần	4	4		
2	Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt	3	3		
3	Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly	3	3		
4	Theo dõi - Chăm sóc các trường hợp cấp cứu trong tâm thần	3	3		
5	Phụ giúp bác sĩ khám, làm liệu pháp	4	3		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	chữa bệnh tâm thần và vệ sinh - phòng bệnh tâm thần				
6	Chương trình Quốc gia về CSSK tâm thần cộng đồng	3	3		
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về bệnh tâm thần

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học.
2. Phân biệt được sự khác nhau giữa bệnh thần kinh và bệnh tâm thần.
3. Trình bày được nguyên nhân của các bệnh tâm thần.
4. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của các bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của tâm thần học
- 2.2. Đối tượng nghiên cứu của tâm thần học
- 2.3. Liên quan giữa tâm thần học với các ngành khoa học khác
 - 2.3.1. Liên quan với các môn lâm sàng
 - 2.3.2. Liên quan với các môn cận lâm sàng
 - 2.3.3. Liên quan với các môn khoa học xã hội
- 2.4. Tính phổ biến và tác hại của bệnh tâm thần
- 2.5. Mối liên quan giữa bệnh tâm thần và bệnh thần kinh
 - 2.5.1. Mối liên quan
 - 2.5.2. Sự khác nhau
- 2.6. Nguyên nhân của các bệnh tâm thần
 - 2.6.1. Nguyên nhân thực thể
 - 2.6.2. Nguyên nhân tâm lý (các trạng thái phản ứng)
 - 2.6.3. Nguyên nhân do cấu tạo thể chất bất thường và sự phát triển tâm thần bệnh lý
 - 2.6.4. Nguyên nhân chưa rõ
- 2.7. Những yếu tố thuận lợi cho bệnh tâm thần phát sinh

- 2.7.1. Yếu tố
- 2.7.2. Nhân cách
- 2.7.3. Lứa tuổi
- 2.7.4. Giới tính
- 2.7.5. Tình trạng toàn thân
- 2.8. Một số triệu chứng rối loạn tâm thần thường gặp
 - 2.8.1. Rối loạn cảm giác
 - 2.8.2. Ảo tưởng
 - 2.8.3. Ảo giác
 - 2.8.4. Rối loạn ngôn ngữ
 - 2.8.5. Ý tưởng ám ảnh
 - 2.8.6. Hoang tưởng
 - 2.8.7. Rối loạn cảm xúc
 - 2.8.8. Rối loạn ý chí và hành động
 - 2.8.9. Rối loạn bản năng
 - 2.8.10. Rối loạn trí nhớ
 - 2.8.11. Rối loạn trí tuệ

Bài 2: Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về bệnh tâm thần phân liệt.
2. Trình bày được các triệu chứng chủ yếu của bệnh tâm thần phân liệt.
3. Trình bày được các chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Liệu pháp tâm lý
 - 2.4.2. Liệu pháp lao động và tái tích ứng xã hội
 - 2.4.3. Liệu pháp hóa dược
 - 2.4.4. Liệu pháp sốc điện
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh rối loạn phân ly.
2. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh rối loạn phân ly.
3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.1. Các cơn rối loạn phân ly
 - 2.3.2. Các rối loạn vận động
 - 2.3.3. Rối loạn cảm giác
 - 2.3.4. Các rối loạn giác quan
 - 2.3.5. Rối loạn ngôn ngữ
 - 2.3.6. Các rối loạn về thực vật, nội tạng
 - 2.3.7. Các rối loạn tâm thần
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 4: Theo dõi - Chăm sóc các trường hợp cấp cứu trong tâm thần Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được một số trường hợp cần cấp cứu trong bệnh tâm thần
2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc cấp cứu người bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Kích động
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nguyên nhân và đặc điểm của trạng thái kích động
 - 2.1.3. Cách xử trí
- 2.2. Tự sát
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Cách xử trí
- 2.3. Không chịu ăn
 - 2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Cách xử trí

Bài 5: Phụ giúp bác sĩ khám, làm liệu pháp chữa bệnh tâm thần và vệ sinh - phòng bệnh tâm thần

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách bố trí phòng khám bệnh tâm thần.
2. Trình bày được cách phụ giúp thầy thuốc khám và làm một số thủ thuật trong điều trị người bệnh tâm thần.
3. Trình bày được cách hướng dẫn được cho người bệnh và gia đình cách dùng thuốc điều trị bệnh tâm thần.
4. Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc được người bệnh bị bệnh tâm thần sau khi dùng thuốc và làm thủ thuật.
5. Trình bày được nội dung của vệ sinh tâm thần.
6. Trình bày được nội dung các biện pháp phòng bệnh tâm thần.

2. Nội dung

- 2.1. Bố trí phòng khám bệnh tâm thần
- 2.2. Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh nhân tâm thần
- 2.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc
- 2.4. Phụ giúp thầy thuốc làm thủ thuật
 - 2.4.1. Sốc điện
 - 2.4.2. Liệu pháp tâm lý
- 2.5. Vệ sinh tâm thần
 - 2.5.1. Tổ chức lao động thích hợp
 - 2.5.2. Tổ chức đời sống thích hợp
 - 2.5.3. Giáo dục thích hợp trong gia đình, nhà trường và xã hội
 - 2.5.4. Hạn chế và loại trừ các sang chấn tâm thần, đặc biệt là các sang chấn trường diễn xuất hiện trong mối quan hệ thường ngày
- 2.6. Phòng bệnh tâm thần
 - 2.6.1. Những biện pháp phòng bệnh tuyệt đối
 - 2.6.2. Những biện pháp phòng bệnh tương đối

Bài 6: Chương trình Quốc gia về CSSK tâm thần cộng đồng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được tầm quan trọng của CSSK tâm thần tại cộng đồng.
2. Nêu được dịch tễ học bệnh tâm thần
3. Kể được một số bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng
4. Nêu được nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

2. Nội dung

- 2.1. Tầm quan trọng của CSSK tâm thần tại cộng đồng.
- 2.2. Dịch tễ học bệnh tâm thần
- 2.3. Một số bệnh tâm thần thường gặp tại cộng đồng
- 2.4. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: lý thuyết

2. Trang thiết bị: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức

Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng thần kinh - tâm thần.

- Kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc - theo dõi người bệnh thần kinh-tâm thần.

2. Tiếp xúc và phối hợp làm được các liệu pháp tâm lý với bệnh nhân tâm thần.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Tuấn Anh (2007), Điều Dưỡng chuyên khoa hệ nội phần Thần kinh - Tâm thần, NXB Y học.
2. Nguyễn Chương (1983), Bài giảng bệnh thần kinh, NXB Y học.
3. Nguyễn Việt (1984), Tâm thần học, NXB Y học.
4. Trần Đình Xiêm (1986), Tâm thần học, NXB Y học.
5. SIDA/ INDEVELOP (1994), Chăm sóc truyền nhiễm- thần kinh- tâm thần, NXB Y học.
6. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe tâm thần của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện ở HK IV.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về phục hồi chức năng; các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng; Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Nhận xét, so sánh được các chức năng người bình thường khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật.

2. Xác định các nhu cầu chăm sóc phục hồi cho người bệnh - khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi thông thường.

2. Ứng xử đúng đắn với người tàn tật và các thành viên trong nhóm phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.	7	4		
1.1	Đại cương về vật lý trị liệu và PHCN	1	1		
1.2	Các thiết bị, dụng cụ và phương pháp vật lý trị liệu thường dùng (máy sóng ngắn, máy điện xung trung tần,	4	4		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	chườm nóng, chườm lạnh).				
1.3	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN	2	2		
2	Chương 2: Phục hồi chức năng các bệnh	4	4		
2.1	PHCN sau phẫu thuật	1	1		
2.2	PHCN các bệnh đường hô hấp	1	1		
2.3	PHCN sau gãy xương	1	1		
2.4	PHCN bệnh khớp	1	1		
3	Chương 3: Đại cương PHCN dựa vào cộng đồng	9	8		1
3.1	Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng	1	1		
3.2	PHCN bệnh nhân liệt nửa người	1	1		
3.3	PHCN bại não	1	1		
3.4	PHCN cho người có khó khăn về nhìn	1	1		
3.5	PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói	1	1		
3.6	PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học)	2	2		
3.7	PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần)	2	1		1
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

Phần Lý thuyết

Chương 1: Đại cương về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của phục hồi chức năng.
- 1.2. Trình bày được các hình thức, phạm vi và nguyên tắc phục hồi chức năng.
- 1.3. Trình bày được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa.
- 1.4. Mô tả được các phương pháp vật lý trị liệu thường được ứng dụng.
- 1.5. Trình bày được nhiệm vụ của điều dưỡng trong phục hồi chức năng vật lý trị liệu.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về vật lý trị liệu và PHCN.
 - 2.1.1. Định nghĩa về PHCN.
 - 2.1.2. Mục đích của PHCN.
 - 2.1.3. Các hình thức PHCN.
 - 2.1.4. Phạm vi PHCN.
 - 2.1.5. Nguyên tắc PHCN.
- 2.2. Các thiết bị, dụng cụ và phương pháp vật lý trị liệu thường dùng.
 - 2.2.1. Các phương thức vật lý trị liệu thường được ứng dụng.
 - 2.2.2. Chườm nóng và chườm lạnh.
 - 2.2.3. Ánh sáng trị liệu.
 - 2.2.4. Máy song ngắn
 - Thông số kỹ thuật
 - Nguyên tắc điều trị
 - Tác dụng điều trị
 - Chỉ định điều trị
 - 2.2.5. Máy điện xung trung tần
 - Thông số kỹ thuật
 - Nguyên tắc điều trị
 - Tác dụng điều trị
 - Chỉ định điều trị
- 2.3. Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN.
 - 2.3.1. Quá trình gây bệnh.
 - 2.3.2. Định nghĩa: khiếm khuyết, giảm khả năng, tàn tật.
 - 2.3.3. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật.

Chương 2: Phục hồi chức năng các bệnh.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được PHCN sau phẫu thuật lồng ngực, sau phẫu thuật ổ bụng.

- 1.2. Trình bày được PHCN cho người bệnh mắc các bệnh đường hô hấp.
- 1.3. Trình bày được PHCN cho người bệnh sau gãy xương.
- 1.4. Trình bày được PHCN cho người bệnh khớp.

2. Nội dung

- 2.1. PHCN sau phẫu thuật.
 - 2.1.1. Đại cương.
 - 2.1.2. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật lồng ngực.
 - 2.1.3. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật ổ bụng.
- 2.2. PHCN các bệnh đường hô hấp.
 - 2.2.1. Đại cương.
 - 2.2.2. Các kỹ thuật VLTL- PHCN hô hấp:
 - 2.2.3. PHCN sau gãy xương.
 - 2.2.4. PHCN bệnh khớp.

Chương 3: Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được PHCN dựa vào cộng đồng.
- 1.2. Trình bày được PHCN cho người bệnh liệt nửa người.
- 1.3. Trình bày được PHCN cho người bại não.
- 1.4. Trình bày được PHCN cho người có khó khăn về nhìn.
- 1.5. Trình bày được PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói.
- 1.6. Trình bày PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
- 1.7. Trình bày PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần).

2. Nội dung

- 2.1. PHCN dựa vào cộng đồng.
 - 2.1.1. Nhiệm vụ của PHCN- DVCD.
 - 2.1.2. Phạm vi hoạt động của PHCN.
 - 2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản về mặt lý thuyết của PHCN-DVCD.
- 2.2. PHCN cho người bệnh liệt nửa người.
 - 2.2.1. Định nghĩa.
 - 2.2.2. Nguyên nhân.
 - 2.2.3. Triệu chứng.
 - 2.2.4. Hậu quả.
 - 2.2.5. PHCN cho người bệnh liệt nửa người.

- 2.3. PHCN cho người bại não.
 - 2.3.1. Định nghĩa.
 - 2.3.2. Nguyên nhân.
 - 2.3.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não.
 - 2.3.4. Phục hồi chức năng trẻ bại não.
- 2.4. PHCN cho người có khó khăn về nhìn.
 - 2.4.1. Nguyên nhân.
 - 2.4.2. Cách phát hiện người có khó khăn về nhìn.
 - 2.4.3. Phục hồi chức năng người khó khăn về nhìn.
- 2.5. PHCN cho người có khó khăn về nghe, nói.
 - 2.5.1. Định nghĩa.
 - 2.5.2. Nguyên nhân.
 - 2.5.3. Cách phát hiện người có khó khăn về nghe, nói.
 - 2.5.4. PHCN cho người có khó khăn về nghe nói.
- 2.6. PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
 - 2.6.1. Nguyên nhân.
 - 2.6.2. Các loại bệnh thường gặp.
 - 2.6.3. Cách giúp người khó khăn về học.
 - 2.6.4. Chăm sóc và PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn về học).
- 2.7. PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần).
 - 2.7.1. Định nghĩa.
 - 2.7.2. Nguyên nhân.
 - 2.7.3. Triệu chứng lâm sàng.
 - 2.7.4. Chăm sóc và PHCN cho người có hành vi xa lạ (Tâm thần)

TT	Nội dung học tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa Phục hồi chức năng/ Vật lý trị liệu	1
2	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc phục hồi chức năng	1
3	Chuẩn bị dụng cụ và trợ giúp bác sĩ thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	1
4	Kỹ thuật ánh sáng trị liệu	1

TT	Nội dung học tập	Chỉ tiêu tay nghề
5	Kỹ thuật điện trị liệu	1
6	Kỹ thuật xoa bóp trị liệu	1
7	Kỹ thuật nhiệt trị liệu	1
8	Chăm sóc và phục hồi một số rối loạn chức năng cơ quan hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, cơ khớp	1
9	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc phục hồi chức năng	1
10	Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau khi phẫu thuật	1
11	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại gia đình và bệnh viện	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: lý thuyết

2. Trang thiết bị: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận xét, so sánh được các chức năng người bình thường khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật.

2. Xác định các nhu cầu chăm sóc phục hồi cho người bệnh - khiếm khuyết, giảm chức năng, tàn tật.

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc phục hồi thông thường.

2. Ứng xử đúng đắn với người tàn tật và các thành viên trong nhóm phục hồi chức năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2004), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học.

2. Đại học Y Hà Nội (2000), Bài giảng vật lý trị liệu - phục hồi chức năng, NXB Y học Hà Nội.

3. Hội phục hồi chức năng Việt Nam (1996), Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học.

4. Giáo trình môn học Phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện ở HK IV.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người Điều dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề sức khỏe thuộc cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán sức khỏe của một nhóm người của một gia đình hay của một cộng đồng).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên trạm y tế.

- Về kỹ năng

1. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng tay nghề nghề nghiệp của người điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

2. Thực hiện các kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu (lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, huy động cộng đồng).

3. Thực hiện kỹ năng giáo tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra & Ôn tập
1	Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng	2	2		
2	Quy trình điều dưỡng cộng đồng	3	3		
3	Lượng giá nhu cầu điều dưỡng	3	3		
4	Lập kế hoạch chăm sóc cho một cụm dân cư (cộng đồng)	4	3		1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra & Ôn tập
5	Lập kế hoạch chăm sóc cho gia đình	3	3		
6	Thăm và chăm sóc tại nhà	3	3		
7	Ghi chép và quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế	2	2		
Tổng cộng		20	19	0	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn:** Phòng học lý thuyết tại trường
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Máy tính kết nối máy chiếu Projector, phấn, bảng
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cộng đồng cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2006), Điều dưỡng cộng đồng, NXB Y học.
2. Tổ chức y tế thế giới (1981), Nhân viên y tế cộng đồng, NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2004), Quản lý điều dưỡng, NXB Y học.
4. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe cộng đồng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Thực hiện ở HK IV.

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: khái niệm về quản lý và lãnh đạo điều dưỡng; hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam từ trung ương đến địa phương; chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành Điều dưỡng; các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng; các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam.
2. Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quản lý các cấp.
3. Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.
4. Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- Kỹ năng

1. Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
2. Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Hệ thống tổ chức	12	8	3	1
1.1	Tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN	6	4	2	
1.2	Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)	5	3	1	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.3	Nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện	1	1	0	
2	Chương 2: Lãnh đạo – quản lý	38	11	26	1
2.1	Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý	2	2	0	
2.2	Phong cách lãnh đạo - quản lý	3	1	2	
2.3	Phương pháp giải quyết vấn đề	5	1	4	
2.4	Giải quyết mâu thuẫn	5	1	4	
2.5	Thường quy đi bùồng	4	1	3	
2.6	Tổ chức cuộc họp	5	1	4	
2.7	Quản lý nhân lực	6	2	3	1
2.8	Quản lý trang thiết bị vật tư	3	1	2	
2.9	Quản lý công tác chuyên môn trong bệnh viện	5	1	4	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Hệ thống tổ chức

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được tổ chức hệ thống y tế VN.
2. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN.
3. Trình bày được chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp.
4. Trình bày nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

- 2.1. Tổ chức hệ thống y tế VN, tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN
 - 2.1.1. Các hình thái và nguyên tắc tổ chức
 - 2.1.2. Tổ chức điều dưỡng các cấp
 - 2.1.3. Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng

2.2. Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.1. Vai trò và vị trí của điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.3. Điều kiện bổ nhiệm quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.3.4 Nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện

Chương 2: Lãnh đạo – quản lý

Thời gian: 38 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm quản lý - quy trình quản lý.
2. Trình bày được một số phong cách lãnh đạo - quản lý được áp dụng hiện nay.
3. Nêu được các phương pháp giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn.
4. Trình bày được nội dung tổ chức cuộc họp và cách viết báo cáo và thường quy đi buồng
- 1.5. Trình bày được một số phương pháp quản lý nhân lực, quản lý trang thiết bị vật tư và

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý
 - 2.1.1. Khái niệm chung về quản lý
 - 2.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý
 - 2.1.3. Các phương pháp quản lý
 - 2.1.4. Các chức năng cơ bản của quản lý
 - 2.1.5. Những yêu cầu chung về người quản lý
- 2.2. Phong cách lãnh đạo - quản lý
 - 2.2.1. Quản lý và lãnh đạo
 - 2.2.2. Người lãnh đạo và người quản lý
 - 2.2.3. Tổ chức lao động của người lãnh đạo quản lý
 - 2.2.4. Tác phong lãnh đạo quản lý
 - 2.2.5. Phương pháp lãnh đạo
 - 2.2.6. Một số vấn đề về lãnh đạo
 - 2.2.7. Phong cách lãnh đạo
- 2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề
 - 2.3.1. Tiếp cận giải quyết vấn đề

- 2.3.2. Áp dụng kỹ thuật SWOT để phân tích tình hình
- 2.3.3. Giải pháp cho vấn đề
- 2.3.4. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề
- 2.3.5. Giám sát và đánh giá thực hiện
- 2.4. Giải quyết mâu thuẫn
 - 2.4.1. Các đặc tính mâu thuẫn
 - 2.4.2. Các hình thức mâu thuẫn
 - 2.4.3. Các nguyên nhân gây mâu thuẫn
 - 2.4.5. Cách giải quyết mâu thuẫn
- 2.5. Thường quy đi buồng
 - 2.5.1. Vai trò của điều dưỡng trưởng khoa khi đi buồng
 - 2.5.2. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa khi đi buồng
 - 2.5.3. Lập kế hoạch đi buồng thường quy
- 2.6. Tổ chức cuộc họp
 - 2.6.1. Cách tiến hành một cuộc họp
 - 2.6.2. Cách ghi biên bản cuộc họp
- 2.7. Quản lý nhân lực
 - 2.7.1. Đại cương
 - 2.7.2. Nội dung quản lý nhân lực
- 2.8. Quản lý trang thiết bị vật tư
 - 2.8.1. Đại cương
 - 2.8.2. Quá trình quản lý trang thiết bị, vật tư
- 2.9. Quản lý công tác chuyên môn trong bệnh viện

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam.
 - + Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quản lý các cấp.
 - + Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.
 - + Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
- **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc
- + Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
 - + Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn An (2012), Quản lý điều dưỡng, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2. Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
3. Quản lý điều dưỡng, Bộ Y tế, Y học, 1995.
4. Bộ Y tế (1999), Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng trưởng Sở (ban hành kèm theo Quyết định số 1939/2001/BYT ngày 02/7/1999), Hà nội.

5. Bộ Y tế (2002), Kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường công tác Điều dưỡng - Hộ sinh 2002 - 2010, Hà nội.
6. Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Quy chế bệnh viện, Nhà Xuất bản Y học.
7. Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Điều dưỡng cơ bản, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Quản lý điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ IV.

2. Tính chất: Trang bị Cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về nghiên cứu khoa học.

- **Kỹ năng:** Nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	10	4	6	
	Chương 2: Các PP nghiên cứu và PP chọn mẫu.	20	8	11	1
2	Các phương pháp nghiên cứu	5	2	3	
3	Phương pháp chọn mẫu	15	6	8	1
4	Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu	10	3	6	1
5	Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu	10	4	6	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được những đặc điểm chính của nghiên cứu và vai trò nghiên cứu điều dưỡng

2. Liệt kê được tám bước của quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu

2. Nội dung

2.1. Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

2.1.2. Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu.

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được phương pháp nghiên cứu áp dụng trong nghiên cứu khoa học.

2. Trình bày được đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu

3. Mô tả được phương pháp tính cỡ mẫu phù hợp và liệt kê được bốn phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Các phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Các thiết kế nghiên cứu

2.2. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.1. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.2. Phương pháp chọn và liệt kê các biến số nghiên cứu.

Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày một số khái niệm cơ bản về thống kê.

2. Mô tả được thống kê mô tả và thống kê suy luận

3. Phiên giải được các kết quả phân tích số liệu

2. Nội dung

2.1. Trình bày và phiên giải số liệu

2.1.1. Phương pháp thống kê cơ bản

2.1.2. Kết quả nghiên cứu và phiên giải kết quả.

Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khung viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học
2. Mô tả được các viết tổng quan tài liệu và viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Viết đề cương, đề tài nghiên cứu
 - 2.1.1. Viết tổng quan
 - 2.1.2. Viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Quy trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích và phiên giải số liệu, đặc biệt là phải thực hiện được đề cương nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Đức Mục (2007), Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản y học.

2. Đại học Y Dược TP. HCM (2005), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và xử lý số liệu với Stata 8. 0, NXB Y học.
3. Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê y tế công cộng, NXB Y học Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NỘI (Da liễu - Lao)

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 15 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành (Thảo luận): 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ IV.

2. Tính chất: Chăm sóc chuyên khoa hệ nội (da liễu, lao); Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh da liễu, lao thường gặp.
2. Kể được những đặc điểm cơ bản, các yếu tố chẩn đoán chăm sóc một số thể lao thường gặp và xử lý được một số biến chứng của bệnh.
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu, lao.
4. Tuyên truyền và giáo dục được cách phòng bệnh một số bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Về kỹ năng:** Thực hiện một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Điều dưỡng da liễu	9	8		1
1.1	Các tổn thương cơ bản ở da và chăm sóc bệnh nhân viêm da do dị ứng thuốc	1	1		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân chàm, bệnh nhân vẩy nến	2	2		
1.3	Chăm sóc bệnh nhân chốc và bệnh nhân hắc bào	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.4	Chăm sóc bệnh nhân ghê và bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu	1	1		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân phong và bệnh nhân giang mai	1	1		
1.6	Chăm sóc bệnh nhân zona và bệnh nhân trứng cá	2	1		1
1.7	Chăm sóc bệnh nhân lậu và các loại thuốc ngoài da thường dùng trong da liễu	1	1		
2	Chương 2: Điều dưỡng lao	6	6		
2.1	Đại cương về bệnh lao	1	1		
2.2	Chăm sóc bệnh nhân lao phổi	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi, cấp cứu ho ra máu	1	1		
2.5	Thuốc điều trị lao	1	1		
2.6	Lao ngoài phổi	1	1		
Tổng cộng		15	14		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Điều dưỡng da liễu

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các triệu chứng của một số bệnh thường gặp: chàm, bệnh nhân vẩy nến, ghê, bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu, zona và bệnh nhân trứng cá...

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu.

2. Nội dung

2.1. Các tổn thương cơ bản ở da và chăm sóc bệnh nhân viêm da do dị ứng thuốc.

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Thương tổn căn bản

2.1.3. Các thương tổn thứ phát

- 2.1.4. Các thương tổn loại đặc biệt
- 2.1.5. Một số thể lâm sàng dị ứng thuốc
- 2.2. Chăm sóc bệnh nhân chàm, bệnh nhân vẩy nến.
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Các giai đoạn lâm sàng
 - 2.2.3. Tiến triển
 - 2.2.4. Nguyên nhân
 - 2.2.5. Các dạng lâm sàng
 - 2.2.6. Chẩn đoán
 - 2.2.7. Điều trị
- 2.3. Chăm sóc bệnh nhân chốc và bệnh nhân hắc bào.
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.3. Nguyên nhân
 - 2.3.4. Chẩn đoán
 - 2.3.5. Biến chứng
 - 2.3.6. Điều trị
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân ghẻ và bệnh nhân viêm da mủ do tụ cầu.
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.3. Chẩn đoán
 - 2.4.4. Tiến triển và biến chứng
 - 2.4.5. Điều trị
 - 2.4.6. Phòng ngừa
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân phong và bệnh nhân giang mai.
 - 2.5.1. Những dấu hiệu nhận biết
 - 2.5.2. Phân loại
 - 2.5.3. Điều trị
- 2.6. Chăm sóc bệnh nhân zona và bệnh nhân trứng cá.
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.6.3. Di chứng và biến chứng
 - 2.6.4. Chẩn đoán

2.6.5. Điều trị

2.7. Chăm sóc bệnh nhân lậu và các loại thuốc ngoài da thường dùng trong da liễu.

2.7.1. Nguyên nhân

2.7.2. Triệu chứng lâm sàng

2.7.3. Điều trị

Chương 2: Điều dưỡng lao

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của một số bệnh: lao phổi, lao sơ nhiễm, lao màng phổi...

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh lao.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về bệnh lao.

2.1.1. Đặc điểm vi khuẩn lao

2.1.2. Sự lây lan

2.1.3. Diễn tiến bệnh

2.1.4. Phòng ngừa

2.2. Chăm sóc bệnh nhân lao phổi

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Giải phẫu bệnh

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.2.4. Cận lâm sàng

2.2.5. Các thể lâm sàng

2.2.6. Chẩn đoán

2.2.7. Tiến triển và biến chứng

2.2.8. Điều trị

2.2.9. Chăm sóc

2.3. Chăm sóc bệnh nhân lao sơ nhiễm

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Nguyên nhân

2.3.3. Đường lây

2.3.4. Triệu chứng lâm sàng

2.3.5. Cận lâm sàng

2.3.6. Chẩn đoán

2.3.7. Tiến triển và biến chứng

- 2.3.8. Điều trị
- 2.3.9. Dự phòng
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân lao màng phổi, cấp cứu ho ra máu
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.3. Cận lâm sàng
 - 2.4.4. Chẩn đoán
 - 2.4.5. Điều trị
 - 2.4.6. Tiến triển
- 2.5. Thuốc điều trị lao
 - 2.5.1. Cơ sở vi khuẩn học
 - 2.5.2. Cơ chế tác dụng của thuốc
 - 2.5.3. Các thuốc thường gặp
 - 2.5.4. Các phác đồ điều trị
- 2.6. Lao ngoài phổi
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.6.3. Cận lâm sàng
 - 2.6.4. Chẩn đoán
 - 2.6.5. Điều trị
 - 2.6.6. Tiến triển

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết

2. Trang thiết bị: Máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ .

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh da liễu, lao thường gặp.

- + Kể được những đặc điểm cơ bản, các yếu tố chẩn đoán chăm sóc một số thể lao thường gặp và xử lý được một số biến chứng của bệnh.
- + Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân mắc bệnh da liễu, lao.
- + Tuyên truyền và giáo dục được cách phòng bệnh một số bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Kỹ năng:** Thực hiện một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh da liễu, lao thường gặp.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về da liễu, lao; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (1994), Bài giảng Da liễu, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (1990), Bệnh Da Liễu, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Giáo trình môn học Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Da liễu – Lao) của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

**Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI
NÂNG CAO**

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 15 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực tập: 00 giờ, kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: thực hiện ở HK VI

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các biện pháp phòng bệnh của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm và một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, một số kỹ thuật chăm sóc về đời sống, vật chất, tinh thần và sức khỏe người già và người bệnh già; lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp. Giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Mô tả được các triệu chứng chính và các biện pháp phòng bệnh của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm và một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

2. Hiểu và trình bày được một số kỹ thuật chăm sóc về đời sống, vật chất, tinh thần và sức khỏe người già và người bệnh già.

3. Hiểu và trình bày được các báo cáo, kế hoạch Chăm sóc người già và người bệnh già theo từng quy trình điều dưỡng.

- Về kỹ năng

1. Tổ chức và thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe thường niên cho người già và đối với một số bệnh thường gặp của người già;

2. Áp dụng các liệu pháp tâm lý để giao tiếp, động viên, an ủi và khích lệ người già, người bệnh già và người nhà người bệnh.

3. Theo dõi tình hình sức khỏe, tổ chức cho người già khám sức khỏe định kỳ; lập báo cáo và quản lý hồ sơ chăm sóc sức khỏe người già;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Khám bệnh người già	2	2		
2	Hội chứng trầm cảm tuổi già	2	2		
3	Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: Tăng huyết áp, đái tháo đường, sau tai biến mạch máu não	2	2		
4	Dưỡng sinh và dùng thuốc cho người già	2	2		
5	Bệnh do tự kháng thể	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch	3	2		1
7	Hội chứng tâm thần ở người cao tuổi	2	2		
Tổng cộng		15	14		1

2. Nội dung chi tiết

1. Mục tiêu

2. Trình bày điểm đặc trưng khác biệt khi tiếp cận người bệnh cao tuổi
1. Trình bày nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
2. Trình bày phương pháp điều trị và chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
3. Trình bày được nguyên tắc dự phòng sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
4. Trình bày phương pháp phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
4. Trình bày những lợi ích và cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi

2. Nội dung

- 2.1. Khám bệnh người già
- 2.2. Hội chứng trầm cảm tuổi già
- 2.3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: Tăng huyết áp, đái tháo đường, sau tai biến mạch máu não
- 2.4. Dưỡng sinh và dùng thuốc cho người già

- 2.4.1. Trình bày lợi ích của tập luyện dưỡng sinh đối với người cao tuổi
- 2.4.2. Trình bày cách tập luyện dưỡng sinh ở người cao tuổi
- 2.4.3. Những đặc điểm ảnh hưởng đến việc dùng thuốc của người cao tuổi
- 2.4.4. Nêu những nguyên tắc khi dùng thuốc cho người cao tuổi
- 2.5. Bệnh do tự kháng thể
 - 2.5.1. Khái niệm bệnh do tự kháng thể
 - 2.5.2. Cơ chế bệnh sinh của thương tổn tự kháng thể
 - 2.5.3. Đặc tính chung của bệnh tự kháng thể
 - 2.5.4. Phân loại bệnh tự kháng thể ở người cao tuổi
- 2.8. Các hội chứng tâm thần ở người cao tuổi
 - 2.8.1. Nguyên nhân các hội chứng tâm thần ở người cao tuổi
 - 2.8.2. Đặc điểm lâm sàng của trầm cảm tuổi già
 - 2.8.3. Triệu chứng và điều trị rối loạn lo âu ở người cao tuổi
- 2.9. Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch
 - 2.9.1. Đại cương về xơ vữa động mạch
 - 2.9.2. Nguyên nhân của xơ vữa động mạch
 - 2.9.3. Triệu chứng của xơ vữa động mạch
 - 2.9.4. Chăm sóc người bệnh xơ vữa động mạch

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Nhận định được những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi.
2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Kỹ năng

1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh/gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giao tiếp tạo sự tin tưởng giúp người cao tuổi an tâm sống tốt.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thi thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực; Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Khoa cấp cứu hồi sức của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa trên người bệnh có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về chăm sóc người bệnh cao tuổi ; kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng nội, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
3. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
4. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
5. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 30

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI

(Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng)

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành/Thực tập: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện học kỳ IV.

2. Tính chất: Trang bị Cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Chăm sóc chuyên khoa hệ ngoại (Mắt; Răng hàm mặt; Tai mũi họng); Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ ngoại)

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- Về kỹ năng

1. Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

3. Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	I. Điều dưỡng Tai mũi họng	6	6		
1.1	Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tai mũi họng.	1	1		
1.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1.3	Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang	1	1		
1.4	Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan	1	1		
1.5	Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở.	1	1		
1.6	Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ và các loại thuốc thường dùng trong TMH	1	1		
2	II. Điều dưỡng Mắt	8	7		1
2.1	Giải phẫu và sinh lý mắt	2	1		1
2.2	Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc.	1	1		
2.3	Chăm sóc bệnh nhân glocom và bệnh nhân viêm màng bồ đào.	1	1		
2.4	Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.	1	1		
2.5	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt	1	1		
2.6	Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa	1	1		
2.7	Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiểu phẫu trong nhãn khoa	1	1		
3	III Điều dưỡng Răng hàm mặt	6	6		
3.1	Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng	1	1		
3.2	Viêm tuỷ, viêm quanh cuống, viêm quanh răng	1	1		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3.3	Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu	1	1		
3.4	Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở	1	1		
3.5	Các chấn thương vùng hàm mặt	1	1		
3.6	Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	1	1		
Tổng cộng		20	19	0	1

2. Nội dung chi tiết

I. ĐIỀU DƯỠNG TAI MŨI HỌNG

Bài 1: Sơ lược giải phẫu - sinh lý tai mũi họng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Mô tả được cấu tạo cơ bản của tai, mũi, họng..
2. Nêu được các hoạt động chính của tai, mũi, họng

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược giải phẫu tai, mũi, họng.
- 2.2. Chức năng sinh lý của tai, mũi, họng.
 - 2.2.1. Sinh lý tai.
 - 2.2.2. Sinh lý mũi.
 - 2.2.3. Sinh lý họng.

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm tai giữa và chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.

Thời gian: 1 giờ

A. VIÊM TAI GIỮA

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm tai giữa.
2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm tai giữa.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai giữa.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân

- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai giữa cấp tính
 - 2.2.2. Viêm tai giữa mãn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. VIÊM TAI XƯƠNG CHŨM

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm tai xương chũm.
2. Mô tả được các biến chứng nội sọ do tai.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm tai xương chũm hoặc có biến chứng nội sọ do tai.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm tai xương chũm mãn tính
 - 2.2.2. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm
 - 2.2.3. Viêm tai xương chũm mãn tính hồi viêm xuất ngoại
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm màng não do tai
 - 2.3.2. Áp xe não do tai
 - 2.3.3. Viêm tĩnh mạch bên do tai
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Nội khoa
 - 2.4.2. Ngoại khoa
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân viêm mũi và chăm sóc bệnh nhân viêm xoang

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MŨI

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm mũi.

2. Trình bày và phân tích được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Viêm mũi cấp tính

2.2.2. Viêm mũi mạn tính

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM XOANG

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm xoang.

2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh viêm xoang theo đúng quy trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Viêm xoang cấp tính

2.2.2. Viêm xoang mạn tính

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân viêm V.A, viêm họng - Amydan Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM V.A

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị của bệnh viêm V.A.

2. Nêu được cách phòng bệnh viêm V.A.

3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm V.A theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Viêm nhiễm
 - 2.1.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm V.A cấp tính
 - 2.2.2. Viêm V.A mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM HỌNG – AMIDAN

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm họng – amidan.
- 2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị bệnh viêm họng – amidan.
- 3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm hong – amidan theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Viêm họng - amidan cấp tính
 - 2.2.1.1. Do virus
 - 2.2.1.2. Do vi khuẩn
 - 2.2.1.3. Viêm họng bạch hầu
 - 2.2.2. Viêm họng - amidan mạn tính
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân viêm thanh quản, bệnh nhân chảy máu mũi và dị vật đường ăn - dị vật đường thở. Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM THANH QUẢN

1. Mục tiêu

- 1. Nêu được nguyên nhân và cách phòng bệnh viêm thanh quản.
- 2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm thanh quản.

3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm thanh quản theo đúng quy trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Viêm thanh quản cấp tính

2.2.1.1. Viêm thanh quản cấp tính thông thường

2.2.1.2. Viêm thanh quản bạch hầu

2.2.1.3. Viêm thanh quản rít trẻ em

2.2.2. Viêm thanh quản mạn tính

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊ VẬT ĐƯỜNG THỞ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng dị vật đường thở.

2. Trình bày được cách cấp cứu ban đầu dị vật thanh quản bằng thủ thuật Heimlich.

3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dị vật đường thở theo đúng qui trình.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Hội chứng xâm nhập

2.2.2. Dị vật thanh quản

2.2.3. Dị vật khí quản

2.2.4. Dị vật phế quản

2.2.5. Cận lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

C. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH DỊ VẬT ĐƯỜNG ĂN

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và các biến chứng do dị vật đường ăn gây nên.
2. Nêu được các biện pháp đề phòng dị vật đường ăn.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh dị vật đường ăn theo đúng qui trình.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Giai đoạn đầu (24 giờ đầu)
 - 2.2.2. Giai đoạn viêm nhiễm
- 2.3. Biến chứng
 - 2.3.1. Viêm tấy quanh thực quản cổ
 - 2.3.2. Viêm trung thất
 - 2.3.3. Viêm màng phổi mũ
 - 2.3.4. Rò khí thực quản
 - 2.3.5. Thủng mạch máu lớn
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

D. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẢY MÁU MŨI

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị 3 thể chảy máu mũi.
2. Nêu được cách phòng bệnh chảy máu mũi.
3. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh chảy máu mũi theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại chảy máu mũi
 - 2.1.1. Chảy máu điễm mạch Kisselbach
 - 2.1.2. Chảy máu động mạch
 - 2.1.3. Chảy máu tỏa lan do mao mạch
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Cầm máu tại chỗ

- 2.4.2. Điều trị toàn thân
- 2.4.3. Tìm nguyên nhân điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 6: Phát hiện sớm và chăm sóc bệnh nhân ung thư tai, mũi, họng, đầu, cổ

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, các biểu hiện sớm ung thư TMH và đầu cổ.
2. Trình bày và phân tích được KHCS người bệnh ung thư TMH và đầu cổ theo đúng quy trình.

2. Nội dung

- 2.1. Các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Biểu hiện sớm khả năng bị ung thư ở vùng tai mũi họng và đầu cổ
 - 2.2.1. Ung thư vòm mũi họng
 - 2.2.2. Ung thư thanh quản – hạ họng
 - 2.2.3. Ung thư hạ họng – thanh quản
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

II. ĐIỀU DƯỠNG MẮT

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý mắt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cấu tạo của mắt và các bộ phận phụ cận.
2. Nêu được tác dụng sinh lý cơ bản của mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nhãn cầu
 - 2.1.1. Vỏ nhãn cầu
 - 2.1.2. Màng bồ đào
 - 2.1.3. Võng mạc
- 2.2. Các môi trường trong suốt
 - 2.2.1. Giác mạc
 - 2.2.2. Thủy dịch
 - 2.2.3. Thể thủy tinh

- 2.2.4. Dịch kính
- 2.3. Các cơ vận động nhãn cầu
 - 2.3.1. Cơ nội nhãn
 - 2.3.2. Cơ ngoại nhãn
- 2.4. Các bộ phận phụ thuộc của mắt
 - 2.4.1. Hốc mắt
 - 2.4.2. Mi mắt
 - 2.4.3. Kết mạc
 - 2.4.4. Tuyến lệ và lệ đạo
- 2.5. Các đường dẫn truyền thần kinh thị giác và trung tâm thị giác
 - 2.5.1. Các đường thần kinh thị giác
 - 2.5.2. Trung tâm thị giác

Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc và chăm sóc bệnh nhân viêm giác mạc, viêm loét giác mạc. Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC BỆNH NHÂN VIÊM KẾT MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, đặc điểm của các thể bệnh viêm kết mạc.
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm kết mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm kết mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tổ
 - 2.1.1. Viêm kết mạc cấp tính có tiết tổ nhầy
 - 2.1.2. Viêm kết mạc có tiết tổ mù đặc
 - 2.1.3. Viêm kết mạc có màng do liên cầu
 - 2.1.4. Viêm kết mạc mùa xuân
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Đặc điểm
- 2.4. Triệu chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LOÉT GIÁC MẠC

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm loét giác mạc.

2. Trình bày được biến chứng và hướng xử trí bệnh viêm loét giác mạc.
3. Trình bày được KHCS người bệnh viêm loét giác mạc.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng xử trí
 - 2.5.1. Nguyên tắc
 - 2.5.2. Cụ thể
- 2.6. Chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân glôcôm và bệnh nhân viêm màng bồ đào

Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM MÓNG MẮT

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm màng mắt.
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm màng mắt.
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm màng mắt.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Tiến triển và biến chứng
- 2.4. Hướng xử trí
 - 2.4.1. Điều trị chống dính
 - 2.4.2. Chống viêm
 - 2.4.3. Kháng sinh
 - 2.4.4. Điều trị theo nguyên nhân
 - 2.4.5. Giảm đau, an thần, giảm phù nề nội nhãn
- 2.5. Chăm sóc

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH GLÔCÔM GÓC ĐÓNG CON CẤP

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng bệnh glôcôm góc đóng con cấp
2. Trình bày được hướng xử trí và phòng bệnh glôcôm góc đóng con cấp

3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc bệnh các bộ phận phụ thuộc của mắt và bệnh nhân đục thủy tinh thể.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được cách phân loại bệnh đục thủy tinh thể
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí bệnh đục thủy tinh thể tuổi già
3. Trình bày được KHCS người bệnh đục thủy tinh thể

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng xử trí
- 2.4. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân chấn thương mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được nguyên nhân, triệu chứng, cách xử trí vết thương xuyên thủng ở mắt
2. Trình bày cách xử trí và theo dõi được xuất huyết tiền phòng
3. Trình bày được KHCS người bệnh chấn thương mắt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Chấn thương xuyên thủng
 - 2.2.2. Chấn thương đụng dập
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Đề phòng chấn thương mắt
- 2.5. Chăm sóc

Bài 6: Cách khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được qui trình khám các chức năng thị giác
2. Đọc được kết quả bình thường của chức năng thị giác
3. Mô tả được ác bước tiến hành thử thị lực, đo nhãn áp, đo thị trường

2. Nội dung

- 2.1. Thị lực
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên tắc đo thị lực
 - 2.1.3. Phương pháp đo thị lực
- 2.2. Nhãn áp
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Chỉ định – chống chỉ định
 - 2.2.3. Phương pháp đo nhãn áp
- 2.3. Thị trường
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Chỉ định
 - 2.3.3. Phương pháp đo
 - 2.3.4. Kết quả

Bài 7: Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa và các tiểu phẫu trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể được các thuốc thường dùng trong nhãn khoa.
2. Mô tả được các tiểu phẫu trong nhãn khoa

2. Nội dung

- 2.1. Các thuốc thường dùng trong nhãn khoa
- 2.2. Các tiểu phẫu trong nhãn khoa.

III. ĐIỀU DƯỠNG RĂNG HÀM MẶT

Bài 1: Giải phẫu sinh lý và tổ chức học của răng, sâu răng và dự phòng

Thời gian: 1 giờ

A. GIẢI PHẪU SINH LÝ RĂNG MIỆNG

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được số lượng, tên của răng sữa và răng vĩnh viễn
- 1.2. Mô tả được hình thể giải phẫu, cấu tạo của răng và vùng quanh răng
- 1.3. So sánh được sự khác biệt giữa răng sữa và răng vĩnh viễn

1.4. Trình bày được sinh lý mọc – tha răng và gọi được tên răng

2. Nội dung

2.1. Số lượng răng

2.1.1. Răng sữa

2.1.2. Răng vĩnh viễn

2.2. Hình thể giải phẫu của răng

2.2.1. Hình thể ngoài

2.2.2. Số lượng chân răng

2.2.3. Phân biệt rang sữa và răng vĩnh viễn

2.3. Cấu tạo vùng quanh răng

2.4. Cấu tạo răng

2.4.1. Men răng

2.4.2. Ngà răng

2.4.3. Tủy răng

2.5. Cách gọi tên răng

2.6. Sinh lý răng

2.6.1. Tuổi mọc răng sữa

2.6.2. Tuổi mọc răng vĩnh viễn

B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SÂU RĂNG

1. Mục tiêu

1.1. Vẽ và giải thích được sơ đồ Keyes

1.2. Trình bày được triệu chứng và các biện pháp phòng bệnh sâu răng

1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh sâu răng

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân gây sâu răng và diễn biến quá trình sâu răng

2.2.1. Răng

2.2.2. Vi khuẩn

2.2.3. Chất nền

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Sâu men

2.3.2. Sâu ngà

2.4. Biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.6. Chăm sóc

Bài 2: Viêm tủy, viêm quanh cuống, viêm quanh răng Thời gian: 1 giờ

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM TỦY VÀ VIÊM QUANH CUỐNG RĂNG

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến viêm tủy

1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng

1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm tủy và viêm quanh cuống răng

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Viêm tủy răng

2.1.2. Viêm quanh cuống răng

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Tiến triển và biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.7. Chăm sóc

A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VIÊM LỢI – VIÊM QUANH RĂNG

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được các nguyên nhân viêm lợi – viêm quanh răng

1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị viêm lợi – viêm quanh răng

1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm lợi – viêm quanh răng

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Tại chỗ

2.1.2. Toàn thân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Tiến triển và biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.7. Chăm sóc

Bài 3: Chỉ định, chống chỉ định nhổ răng, chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng và cấp cứu răng miệng: giảm đau, cầm máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu và phân tích được chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng một số tai biến thường gặp khi nhổ răng
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh nhổ răng

2. Nội dung

- 2.1. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng
- 2.2. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng, nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí
 - 2.2.1. Ngất xỉu
 - 2.2.2. Chảy máu kéo dài
 - 2.2.3. Viêm ổ răng
- 2.3. Chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc răng miệng ban đầu ở tuyến y tế cơ sở

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nội dung công tác chăm sóc răng miệng ban đầu, công tác nha học đường và các biện pháp phòng bệnh răng miệng
- 1.2. Nêu được các tổn thương nghi ngờ ung thư ở vùng miệng

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung
 - 2.1.1. Giáo dục nha khoa
 - 2.1.2. Hoạt động phòng bệnh
 - 2.1.3. Hoạt động điều trị
- 2.2. Các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng
 - 2.2.1. Phòng bệnh sâu răng
 - 2.2.2. Phòng bệnh vùng quanh răng
 - 2.2.3. Phòng các bệnh ung thư vùng miệng
 - 2.2.4. Phát hiện được các biểu hiện của HIV/AIDS tại vùng miệng và hàm mặt
- 2.3. Các hoạt động điều trị
- 2.4. Công tác chăm sóc răng miệng ban đầu ở cơ sở nha học đường

- 2.4.1. Lý do thực hiện công tác nha học đường
- 2.4.2. Nội dung công tác nha học đường
- 2.4.3. Các hình thức của công tác nha học đường

Bài 5: Các chấn thương vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân loại được các chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và hướng điều trị gãy xương hàm
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh chấn thương hàm mặt

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại chấn thương phần mềm
- 2.2. Gãy xương
 - 2.2.1. Gãy xương hàm dưới
 - 2.2.2. Gãy xương hàm trên
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Chăm sóc

Bài 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt và các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các nguyên nhân gây viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.2. Mô tả được triệu chứng của các giai đoạn viêm mô tế bào vùng hàm mặt
- 1.3. Trình bày và phân tích được KHCS cho người bệnh viêm mô tế bào vùng hàm mặt

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Do răng
 - 2.1.2. Không do răng
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Viêm tụ
 - 2.2.2. Viêm tấy
- 2.3. Một số thể định khu
 - 2.3.1. Áp xe vùng má
 - 2.3.2. Áp xe vùng cơ cắn
 - 2.3.3. Áp xe vùng mang tai

- 2.3.4. Áp xe dưới hàm
- 2.3.5. Áp xe vùng dưới cằm
- 2.4. Hướng điều trị
 - 2.4.1. Toàn thân
 - 2.4.2. Tại chỗ
- 2.5. Chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** lý thuyết
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Trình bày được: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp dự phòng một số bệnh thông thường Tai mũi họng, Mắt và Răng hàm mặt.

- **Kỹ năng**

+ Thực hiện đúng quy định một số kỹ thuật chăm sóc về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt thông thường.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân tại cộng đồng về cách phòng các bệnh thông thường thuộc các chuyên ngành TMH, Mắt, RHM.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

- Áp dụng Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, số 161a/QĐ-CĐYT ngày 22/5/2017

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: thi lý thuyết, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- 1. Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường
- 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**
 - Đối với giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

+ Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các Khoa Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt và phòng khám của Bệnh viện tỉnh. Sinh viên thực tập có kèm cặp giám sát, giúp đỡ của Giáo viên Nhà trường và Giáo viên kiêm nhiệm.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về giải phẫu sinh lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhu cầu dinh dưỡng; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại, Bộ Y tế, Y học 2007.
2. Giáo trình môn học Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (Mắt – Răng hàm mặt – Tai mũi họng) của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 31

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC NÂNG CAO

Mã môn học: MH6146

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực tập: 00 giờ, kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Thực hiện ở HK IV

2. Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về cách phát hiện, nguyên tắc xử trí, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các cấp cứu bệnh nhân thường gặp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Trình bày được xử trí người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Về kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về bệnh lý nội tiết	9	9		
	Chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường	3	3		
	Chăm sóc người bệnh hạ đường huyết	3	3		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chăm sóc hội chứng suy đa phủ tạng	3	3		
2	Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về tiêu hoá	4	4		
	Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa cao	4	4		
3	Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về thận, tiết niệu	3	3		
	Chăm sóc người bệnh suy thận cấp	4	3		1
4	Chương 4: Chăm sóc người bệnh cấp cứu ngộ độc	3	3		
	Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp	3	3		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Phần lý thuyết

Chương 1: Chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng nhiễm ceton
2. Trình bày được các nguyên tắc xử trí nhiễm ceton do đường huyết'
3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton.
4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng hạ đường huyết
5. Trình bày được các nguyên tắc xử trí hạ đường huyết
6. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hạ đường huyết
7. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng suy đa phủ tạng.
8. Trình bày được phương pháp xử trí và điều trị suy đa phủ tạng.
9. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy đa phủ tạng.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
 - 2.1.1. Nguyên nhân

- 2.1.2. Triệu chứng nhiễm ceton do tiểu đường
- 2.1.3. Nguyên tắc xử trí nhiễm ceton tiểu đường
- 2.1.4. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
- 2.2. Chăm sóc người bệnh hạ đường huyết
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng nhiễm ceton do tiểu đường
 - 2.2.3. Nguyên tắc xử trí nhiễm ceton tiểu đường
 - 2.2.4. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm ceton do tiểu đường
- 2.3. Chăm sóc hội chứng suy đa phủ tạng
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.5.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng
 - 2.3.4. Xử trí suy đa phủ tạng
 - 2.3.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy đa phủ tạng

Chương 2: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về tiêu hoá

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại xuất huyết tiêu hoá cao.
2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh bị xuất huyết tiêu hoá cao.
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị xuất huyết tiêu hoá cao.

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân và phân loại
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Xử trí xuất huyết tiêu hoá cao
 - 2.1.5. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hoá cao

Chương 3: Chăm sóc người bệnh cấp cứu về thận, tiết niệu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại suy thận cấp
2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh suy thận cấp
3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận cấp

2. Nội dung

- 2.1. Chăm sóc người bệnh suy thận cấp

2.1.1. Định nghĩa, nguyên nhân và phân loại suy thận cấp

2.1.2. Triệu chứng, xử trí khi người bệnh suy thận cấp

2.1.3. Kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận cấp

Chương 4: Chăm sóc người bệnh cấp cứu ngộ độc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và phân loại gây ngộ độc cấp

2. Trình bày được triệu chứng, xử trí khi người bệnh bị ngộ độc cấp

3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bị ngộ độc cấp

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc ngộ độc cấp

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân và phân loại

2.1.3. Các nguyên tắc xử trí trong ngộ độc

2.1.4. Các hội chứng trong ngộ độc

2.1.5. Ngộ độc các chất thường dùng trong đời sống

2.1.5. Ngộ độc tác nhân động vật, thực vật, vật lý

2.1.7. Kế hoạch chăm sóc người bệnh ngộ độc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản, bệnh viện.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, tivi.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Trình bày được cách xử trí người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

4. Trình bày được các nguyên tắc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

- Kỹ năng

1. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh cấp cứu các bệnh nội tiết, tiêu hoá, thận, tiết niệu và ngộ độc cấp

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện thái độ thận trọng, chính xác, nhẹ nhàng và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học tự chọn

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hồi sức cấp cứu và kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh

Tài liệu tham khảo

8. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

9. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

10. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.

11. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

12. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.

13. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.

14. Giáo trình môn học Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc người bệnh tích cực nâng cao của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 32

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 90 giờ (Lý thuyết: 00 giờ; Thực tập bệnh viện: 89 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Thực hiện học kỳ IV.

2. **Tính chất:** Đợt thực tế tốt nghiệp vào cuối khoá học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.

II. Mục tiêu môn học

1. Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật chăm sóc trên bệnh nhân.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng bệnh nhân.
3. Tham gia công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện.
4. Thực hiện các kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.
5. Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng và tại cơ sở khám, chữa bệnh.

III. Nội dung môn học

Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng Cao đẳng tại các cơ sở đó.	Mỗi Sinh viên (hoặc 1 nhóm sinh viên) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh và chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng viên Cao đẳng tại các cơ sở đó.
Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng tại khoa nội, khoa Ngoại, khoa Nhi, khoa Sản - Phụ, khoa Truyền nhiễm	Hàng ngày sinh viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng thực tập tại Khoa theo sự phân công và giám sát của Điều dưỡng trưởng khoa.
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nội khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc ngoại khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc nhi khoa	10 Lần

Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc sản - phụ khoa	10 Lần
Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bệnh truyền nhiễm.	10 Lần
Ghi chép bệnh án, mẫu biểu chăm sóc của các khoa lâm sàng Bệnh viện huyện và Bệnh viện tỉnh (hoặc Trung Ương)	2 lần x 5 khoa
Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám chữa bệnh tại Bệnh viện.	5 Lần
Tham gia trực tại bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh.	10 Lần

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Thực tập bệnh viện

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

Thực tế cuối khóa

- Điểm kiểm tra thành phần: 2 cột kiểm tra hệ số: trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình điều dưỡng, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: Chấm bài báo cáo.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- Địa điểm: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại Bệnh viện huyện, Bệnh viện tỉnh. Hàng ngày Sinh viên được bố trí thực tập tại các khoa lâm sàng, chủ yếu tại các khoa Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, Cấp cứu, Hồi sức tích cực chống độc, Hậu phẫu.

- Sinh viên thực tập tốt nghiệp tại Bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát giúp đỡ của giáo viên nhà trường và giáo viên kiêm nhiệm của các của các khoa lâm sàng. Chủ yếu là hướng dẫn sinh viên ôn luyện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học, Hà Nội - 2007
2. Điều dưỡng các bệnh nội khoa, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017
3. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.

4. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
5. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
6. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
7. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
8. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
9. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
10. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
11. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
12. Bài giảng bệnh học ngoại khoa,. NXB Y học, 2001.
13. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.
14. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
15. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
16. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
17. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
18. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
19. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
20. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
21. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
22. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
23. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
24. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
25. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
26. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.

27. Donna L. Wong, Marilyn Hockenrry - Eaton. (2001). *Wrong's Essentials of Pediatric Nursing*. Mosby.
28. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). *Cấp cứu - hồi sức nhi*.
29. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). *Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
30. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. *Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em* (1996). UNICEF.
31. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
32. Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
33. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
34. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
35. Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 33

Tên môn học: BẢO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 90 giờ (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành/Thực tập: 90 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện học kỳ IV.

2. **Tính chất:** Đánh giá sinh viên các kiến thức cơ bản về: nhận định sức khỏe bệnh nhân; nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. So sánh lý thuyết và lâm sàng về triệu chứng và diễn biến của các loại bệnh lý nội, ngoại, nhi, nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực.

2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của các bệnh lý thường gặp. Thực hiện và giải thích được các kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc bệnh.

- Kỹ năng

1. Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan về bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực thường gặp

2. Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc người bệnh.

3. Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng trong quá trình chăm sóc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Quy trình điều dưỡng (Sinh viên làm quy trình điều dưỡng trên bệnh				

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	nhân tại các khoa thực tập tốt nghiệp)				
1	Quy trình chăm sóc người bệnh nội khoa	90		90	
2	Quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa	90		90	
3	Quy trình chăm sóc bệnh nhi	90		90	
4	Quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	90		90	
5	Quy trình chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực.	90		90	
Tổng cộng		90		90	

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** lý thuyết, các khoa thực tập tốt nghiệp .
2. **Trang bị:** máy chiếu, mô hình, dụng cụ thực hành.
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Giao tiếp hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
- + Nhận định triệu chứng một số bệnh lý thường gặp.
- + Lập và thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực.

- Kỹ năng:

- + Thăm khám và nhận định tình trạng bất thường các cơ quan thường gặp

+ Theo dõi, phát hiện và xử trí các biến chứng trong quá trình chăm sóc

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học tự rèn luyện các bước nhận định và thực hiện qui trình chăm sóc hiệu quả và an toàn cho người bệnh. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.

+ Đánh giá dựa vào trình bày báo cáo và vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về giảng dạy, học tập môn học:

Sinh viên thực tập tại các Khoa Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm, cấp cứu và hồi sức tích cực của Bệnh viện tỉnh. Làm quy trình điều dưỡng trên bệnh nhân tại các khoa thực tập tốt nghiệp. Sinh viên trình bày báo cáo khóa luận hoặc quy trình chăm sóc trên bệnh nhân trước hội đồng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tài liệu tham khảo

36. Điều dưỡng nội khoa, NXB Y học, Hà Nội - 2007
37. Điều dưỡng các bệnh nội khoa, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017
38. Bộ Y tế (2000), Bách khoa thư bệnh học (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Y học.
39. Đại Học Y Hà Nội (2000), Triệu chứng học nội khoa (tập 1,2), Nhà xuất bản Y học.
40. Đại Học Y Hà Nội (2002), Nội khoa cơ sở (tập 1,2), NXB Y học.
41. Hoàng Trọng Thăng (2002), Bệnh tiêu hóa gan mật, NXB Y học.
42. Điều dưỡng ngoại 1, Điều dưỡng ngoại 2, Nhà xuất bản giáo dục Hà nội 2008.
43. Đại học Y Hà Nội, Bệnh Học Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), Nhà xuất bản Y học, 2003.
44. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Ngoại khoa (tập 1, 2, 3, 4), NXB Y học, 1997
45. Đại học Y Hà Nội, Điều dưỡng Nội- Ngoại khoa (tập 1, 2, 3), NXB Y học, 1996.
46. Đại học Y khoa Huế, Điều dưỡng ngoại khoa.
47. Bài giảng bệnh học ngoại khoa,. NXB Y học, 2001.
48. Bài giảng ngoại khoa cơ sở, Triệu chứng học ngoại khoa. Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh. NXB Y học, 2001.

49. Phạm Văn Ruân (2007), Điều dưỡng cấp cứu hồi sức. Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
50. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
51. Bộ Y tế, Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2003.
52. Đại học Y Hà Nội, Triệu chứng học nội khoa (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
53. Đại học Y Hà Nội, Nội khoa cơ sở (tập 1, 2). Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2000.
54. The Wasington Manual of Medical The Bentes 30th Edition, 2002.
55. Đinh Ngọc Đệ, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam - 2015
56. Nhiều tác giả. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
57. Bộ y tế Vụ khoa học và đào tạo. (2006). Điều dưỡng Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
58. Trường Đại học y Hà Nội. Bài giảng Nhi khoa, (tập I, II) (2009). Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
59. Bệnh viện Nhi Đồng I. (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội
60. Đại học Y Dược Tp.HCM. (2004). Bài giảng nhi khoa - chương trình đại học. Nhà xuất bản Y Học.
61. Điều dưỡng nhi khoa, sách đào tạo cử nhân điều dưỡng. (2008). Nhà xuất bản Y Học.
62. Donna L. Wong, Marrilyn Hockenrny - Eaton. (2001). Wrong's Essentials of Pediatric Nursing. Mosby.
63. Bệnh viện Nhi đồng I. (2000). Cấp cứu - hồi sức nhi.
64. Đại học Y Dược Tp.HCM. (1998). Bài giảng nhi khoa chương trình đào tạo bác sĩ tuyến cơ sở. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
65. Tổ chức Y tế thế giới - ban sức khỏe trẻ em và phát triển. Xử trí lồng ghép các bệnh ở trẻ em (1996). UNICEF.